

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: Định kỳ

Điện thoại: (0274).2220399

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/4/2026 tại đường dẫn: <https://vntt.com.vn/bao-cau-thuong-nien/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
Người đại diện theo pháp luật
Tổng Giám đốc



PHẠM TUẤN ANH



BẢO CẢO THƯỜNG NIÊN

2025



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	07
Quá trình hình thành và phát triển	08
Hành trình xây dựng thương hiệu VNTT	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
Các sản phẩm dịch vụ chính	16
Đối tác tiêu biểu	23
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	24
Định hướng phát triển	27
Các rủi ro	33

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	38
Tổ chức và nhân sự	40
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	61
Tình hình tài chính	62
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	68
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	71

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bối cảnh chung	80
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	82
Tình hình tài chính	85
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	87
Chỉ tiêu thực hiện năm 2026	88
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	89
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	90

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	94
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	94
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	95

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	98
Ban Kiểm soát	100
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	102

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững	106
Mục tiêu phát triển bền vững	107
Mô hình phát triển bền vững	108
Trung tâm dịch vụ khách hàng và quản lý chuỗi	109
Chính sách nhân sự	111

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	122
Báo cáo tài chính được kiểm toán	124



01

THÔNG TIN CHUNG

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Hành trình xây dựng thương hiệu VNTT
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Các sản phẩm dịch vụ chính
- 23 Đối tác tiêu biểu
- 24 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 27 Định hướng phát triển
- 33 Các rủi ro



Toàn Diện

- Đa dịch vụ
- Đa khu vực
- Trách nhiệm cao
- Chiến lược kinh doanh quy mô, bài bản

Đồng Hành

- Cùng khách hàng phát triển
- Hỗ trợ khách hàng tận tâm
- Vì cộng đồng
- Xây dựng hệ sinh thái kinh doanh

Bền Vững

- Đầu tư bài bản
- Dịch vụ đa dạng
- Đội ngũ chuyên nghiệp
- Đối tác bền vững

Đổi Mới

- Cải tiến liên tục
- Sáng tạo
- Thích nghi
- Nghiên cứu & Phát triển

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	VIET NAM TECHNOLOGY & TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VNTT
Mã cổ phiếu	TTN
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	367.275.000.000 đồng
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 3700861497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/01/2008, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/08/2025
Điện thoại	0274.2220.222 / 0274.2220.399
Fax	0274.3635.200
Website	vntt.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2008

Chính thức cung cấp các dịch vụ viễn thông – Công nghệ thông tin:

Các dịch vụ viễn thông (“VT”), bao gồm: dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ thoại, dịch vụ kênh truyền dẫn, dịch vụ mạng riêng ảo VPN...
Khảo sát, tư vấn, cung cấp thiết bị và thi công, lắp đặt các công trình hạ tầng mạng viễn thông, hệ thống máy chủ, hệ thống kiểm soát an ninh, truy nhập vào/ra và các hệ thống công nghệ thông tin (“CNTT”) khác...

2009

Cung cấp các dịch vụ Trung tâm dữ liệu:

Từ quý 3/2009, VNNTT lần lượt giới thiệu đến khách hàng các dịch vụ về Trung tâm dữ liệu, bao gồm: Dịch vụ Colocation, dịch vụ cho thuê máy chủ (Dedicated Server/VPS), dịch vụ Hosting Web/Mail/DNS, dịch vụ Cloud Backup... Các dịch vụ này giúp doanh nghiệp có được một hạ tầng CNTT đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, trong khi không tốn chi phí đầu tư và nhân sự quản trị.

2013

Chính thức cung cấp ICT One-stop Shop:

Trên hạ tầng cáp quang hoàn chỉnh và eDatacenter tiêu chuẩn Tier-3, VNNTT hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản để cung cấp các dịch vụ ICT chất lượng cao đến các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN tại Bình Dương. Dưới tên gọi ICT One-Stop Shop, các dịch vụ VT-CNTT được chọn lọc và tối ưu để phù hợp nhất với nhu cầu, ngân sách và nhân lực IT của doanh nghiệp sản xuất.

2015

Chính thức đi vào hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới:

Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình về hệ thống phân phối điện trung thế, hạ thế, hệ thống máy biến áp, máy phát điện; hệ thống điện lạnh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, các hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng công cộng...

2018

VNNTT đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tập đoàn NTT e-Asia là tập đoàn viễn thông - công nghệ thông tin đứng thứ 4 thế giới và hàng đầu tại Nhật Bản, nhằm triển khai dịch vụ Internet cáp quang chất lượng Nhật Bản và các giải pháp cho Thành phố thông minh. Đến nay, ngoài NTT e-Asia, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (Viettel) cũng đều là những đối tác chiến lược của VNNTT.

2019

Chính thức cung cấp dịch vụ phần mềm và chuyển đổi số:

Triển khai các phần mềm theo nhu cầu của khách hàng, phát triển các sản phẩm phần mềm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo xu hướng công nghệ.

2021

Thành lập Công ty con Công ty TNHH Giải Pháp VNNTT



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2022

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, phát hành thêm 12.242.500 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 367.275.000.000 đồng.

2023

Lần thứ 5 được vinh danh trong Top 10 Công ty Công Nghệ Việt Nam Uy Tín.

Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP & VNTT được xướng tên tại lễ trao giải thưởng “Thành phố thông minh Việt Nam” – Vietnam Smart City của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP & VNTT được hội đồng giám khảo xếp hạng xuất sắc nhất 5 sao duy nhất của năm 2023.

2024

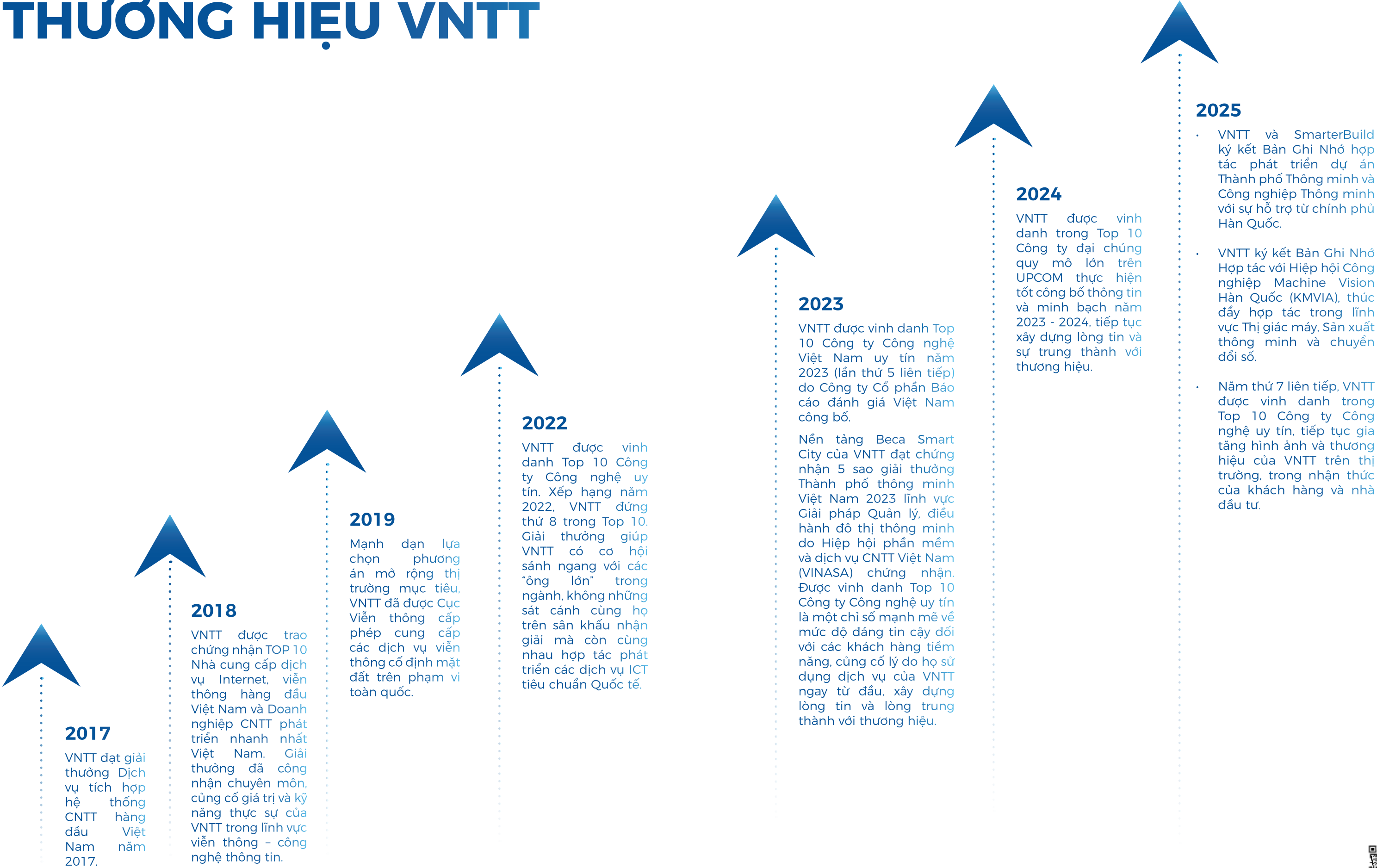
- Ký kết hợp đồng với tập đoàn Orion Hàn Quốc để triển khai dự án Smart Factory cho nhà máy Orion Food Vina Bến Cát - Bình Dương;
- Thị giá cổ phiếu TTN tăng mạnh, đưa vốn hóa thị trường của Công ty tăng 2,6 lần lên mức 760 tỷ đồng;
- Top 10 Công ty đại chúng quy mô lớn trên sàn UPCOM thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch năm 2023 - 2024;
- Thành công kết nối trực tiếp internet từ HUB Hồng Kông về eDatacenter của VNTT, đây là một bước đi quan trọng để VNTT mở rộng trong lĩnh vực viễn thông.

2025

- VNTT và SmarterBuild ký kết Bản Ghi Nhớ Hợp tác phát triển dự án Thành phố Thông minh và Công nghiệp Thông minh với sự hỗ trợ từ chính phủ Hàn Quốc qua các dự án ODA.
- VNTT ký kết Bản Ghi Nhớ Hợp tác với Hiệp hội Công nghiệp Machine Vision Hàn Quốc (KMVIA), thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực Thị giác máy, Sản xuất thông minh và chuyển đổi số.
- Năm thứ 7 liên tiếp, VNTT được vinh danh trong Top 10 Công ty Công nghệ uy tín, tiếp tục gia tăng hình ảnh và thương hiệu của VNTT trên thị trường, trong nhận thức của khách hàng và nhà đầu tư.



HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VNNTT



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

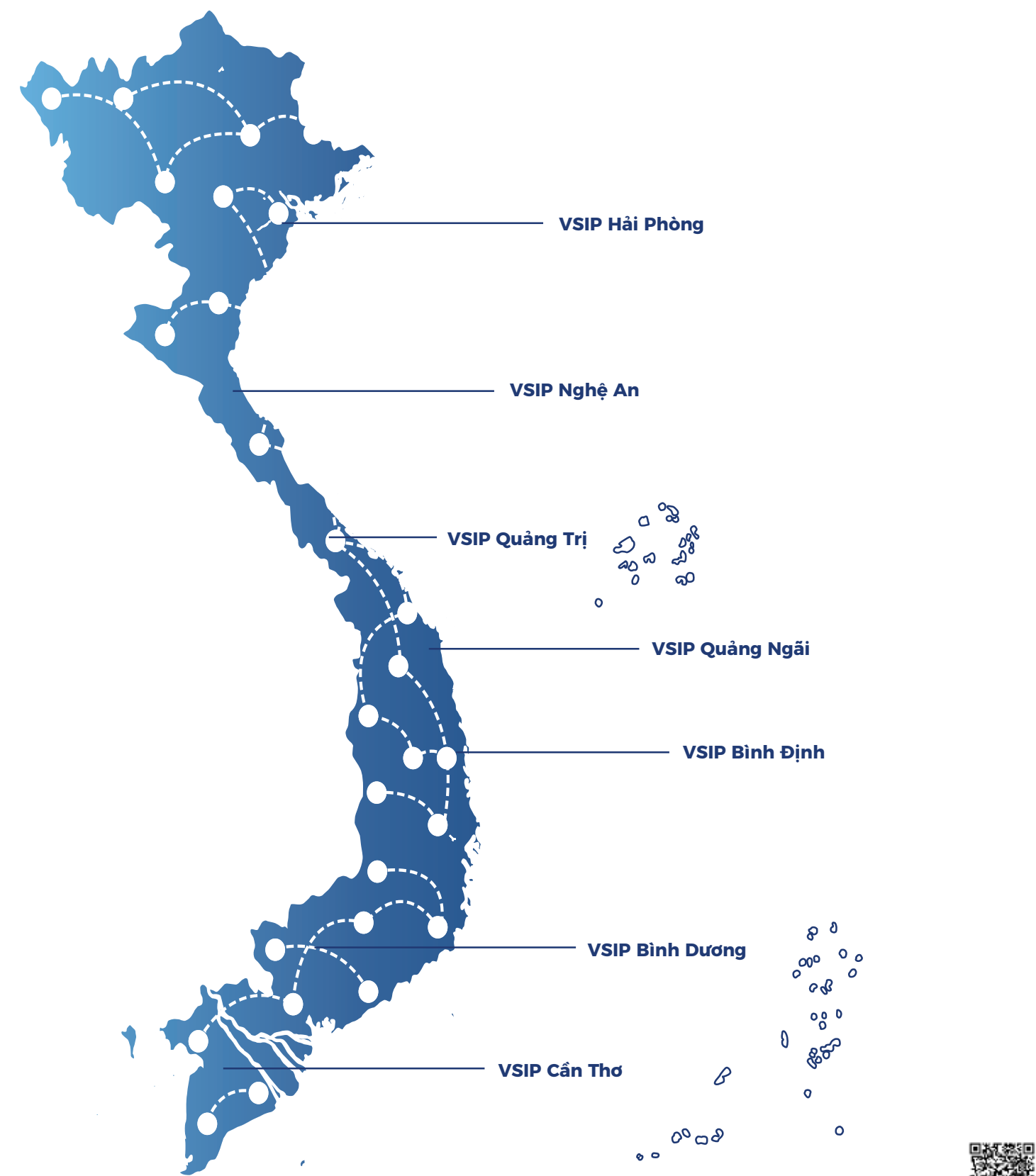
Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động thông tấn;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất điện mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Địa bàn kinh doanh

Khách hàng trong các khu công nghiệp, khu đô thị tại tỉnh Bình Dương, Bình Phước, VSIP Quảng Ngãi, VSIP Hải Phòng, VSIP Nghệ An, VSIP Bình Định và các khu công nghiệp ở tỉnh thành khác do Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP và VSIP đầu tư.

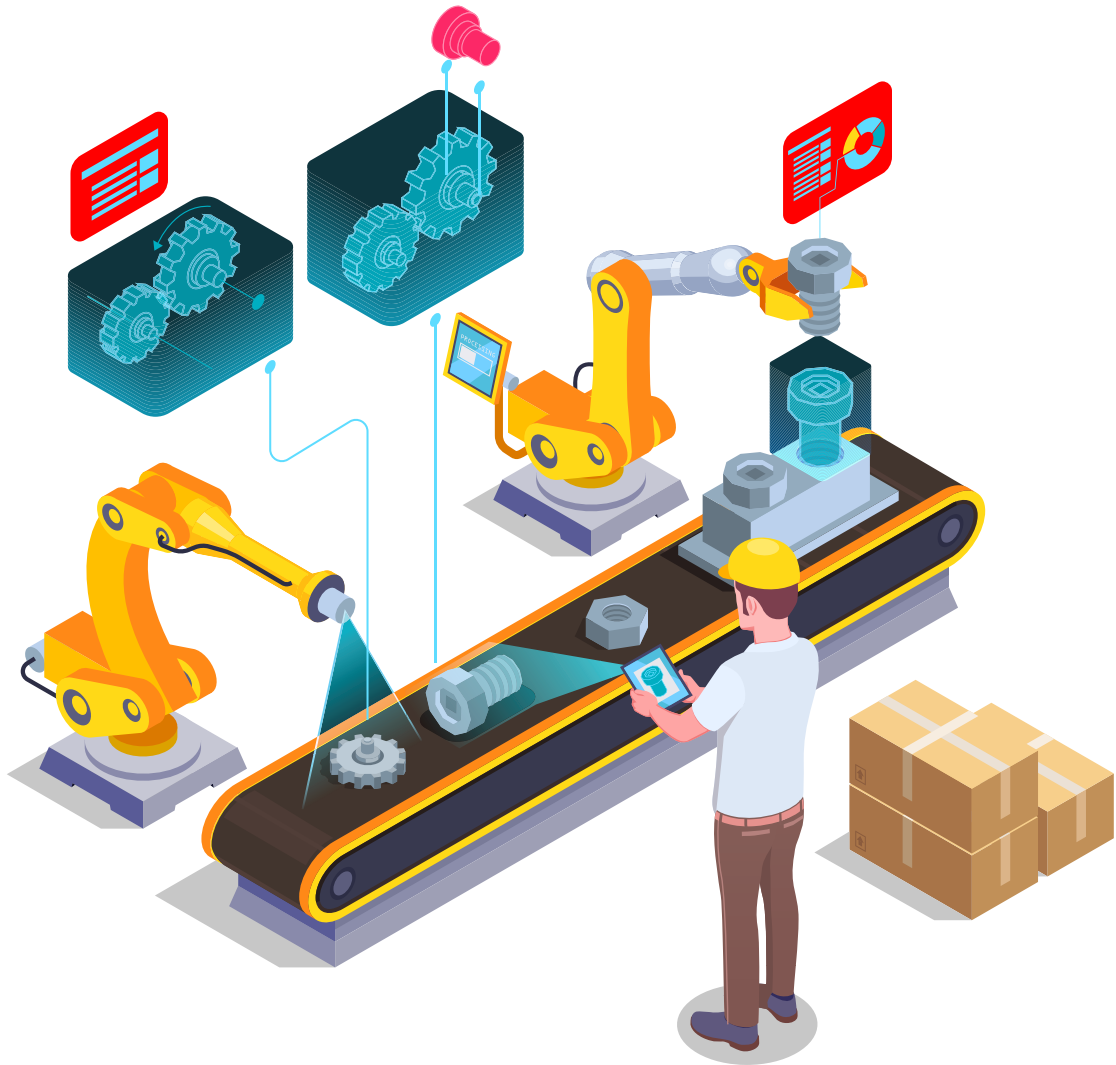


CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

Với tinh thần đồng hành cùng khách hàng trên hành trình phát triển toàn diện – bền vững – không ngừng đổi mới, chúng tôi triển khai sản phẩm và dịch vụ theo mô hình kim tự tháp.

Ở tầng nền, các dịch vụ cốt lõi tạo dựng “móng” vững chắc, giúp khách hàng sở hữu một hạ tầng hiện đại và ổn định. Trên nền tảng đó, những giải pháp tiên tiến sẽ hỗ trợ doanh nghiệp từng bước nâng cấp năng lực vận hành, bắt kịp xu hướng của ngành công nghệ và tiến tới những cấp độ phát triển cao hơn.

Cụ thể, dịch vụ cơ sở hạ tầng công nghiệp (MEP) hình thành môi trường vật lý cho toàn bộ hệ thống ICT, bao gồm nguồn điện, hệ thống làm mát, phòng cháy chữa cháy (PCCC),... Trong không gian vận hành an toàn này, chúng tôi tiếp tục thiết kế và triển khai hệ thống mạng, máy chủ cùng các hạng mục ICT khác, tạo thành bộ phận để khách hàng ứng dụng phần mềm và phát triển các giải pháp thông minh một cách hiệu quả.



CÁC GIẢI PHÁP THÔNG MINH: VNTT đã phát triển nền tảng Beca Smart để hỗ trợ Dự án Thành phố thông minh của Tỉnh Bình Dương và Khu công nghiệp xanh & thông minh của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP. Nền tảng này tích hợp các hệ thống IT và OT, thống nhất cơ sở dữ liệu để quản lý và vận hành tập trung các thành phố thông minh. Tận dụng các công nghệ từ Công nghiệp 4.0 như AI, IoT, Dữ liệu lớn, GIS và Bản sao kỹ thuật số, Beca Smart được VNTT phát triển hoàn toàn với sự hợp tác của các Công ty hàng đầu trong ngành trên toàn cầu. Nền tảng tập trung vào phân tích dữ liệu đồng thời đảm bảo quyền riêng tư của khách hàng và tuân thủ lưu giữ dữ liệu.

Beca Smart Factory: VNTT giúp doanh nghiệp chuyển đổi nhà máy thành nhà máy thông minh theo mô hình ISA-95, kết hợp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. VNTT MES kết nối tự động hóa với ERP, quản lý sản xuất thông qua các chức năng mô-đun và kiểm soát quy trình linh hoạt. Nó trực quan hóa toàn bộ luồng từ kho đến IQC, PQC, OQC, cho phép giám sát và tối ưu hóa theo thời gian thực. Beca Smart Factory có thể tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau: máy móc thiết bị sản xuất để cung ứng và sản xuất, con người để kiểm soát quy trình sản xuất và bảo trì, theo dõi hàng tồn kho, số hóa mọi hoạt động. Nói cách khác, Beca Smart Factory sẽ giúp sản xuất thông minh hơn cho doanh nghiệp.

Lợi ích Beca Smart Factory mang lại:

- Tối ưu hóa quy trình sản xuất sản phẩm, giảm chi phí vận hành
- Hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm được cải thiện
- Khả năng hiển thị trạng thái hoạt động của các thành phần máy (cả lịch sử và thời gian)

Beca Smart IP: VNTT ứng dụng Beca Smart Platform để phát triển các giải pháp khu công nghiệp thông minh, tích hợp toàn bộ hệ thống vào IOC để quản lý dữ liệu tập trung, phân tích và ra quyết định thông qua bảng điều khiển trực quan bao gồm:

- Hệ thống quản lý Giao Thông Thông Minh
- Hệ thống quản lý An Ninh Thông Minh
- Hệ thống quản lý Nước và Nước thải Thông Minh
- Hệ thống quản lý Môi Trường Thông Minh
- Phát hiện cháy Thông Minh
- Hệ thống giám sát Năng Lượng Thông Minh

Beca ITS:

- Tối ưu hóa lưu lượng giao thông: Phân tích mật độ phương tiện để điều chỉnh thời gian tín hiệu hoặc định tuyến lại giao thông; Cung cấp các đề xuất theo thời gian thực cho các tuyến đường thay thế.
- Báo cáo và thông tin chi tiết dựa trên dữ liệu: Tạo báo cáo về loại xe, giờ cao điểm và tuyến đường sử dụng; Hỗ trợ lập kế hoạch giao thông và ra quyết định vận hành.

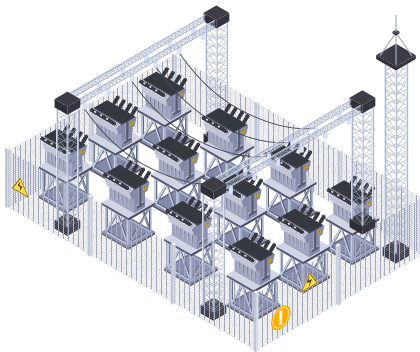
Beca Smart Building:

- Năng Lượng Thông Minh: Giám sát và tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng theo thời gian thực, Tích hợp các cảm biến IoT và phân tích do AI điều khiển.
- An Ninh Thông Minh: Hệ thống giám sát và kiểm soát truy cập tập trung, Phát hiện mối đe dọa theo thời gian thực và cảnh báo tự động.
- Quản lý tập trung: Kiểm soát tập trung và tự động hóa HVAC, chiếu sáng và các hệ thống quan trọng khác; Thu thập và phân tích dữ liệu theo thời gian thực.



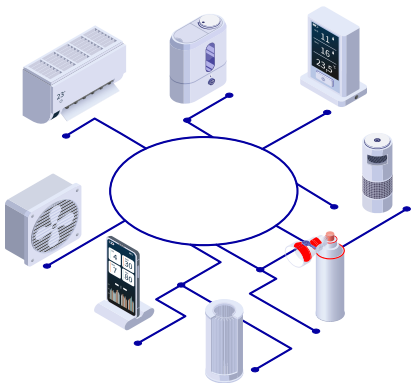
CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

CÁC DỊCH VỤ HẠ TẦNG M.E.P: Đội ngũ kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật của VNTT có trình độ cao và kinh nghiệm thi công, lắp đặt các hệ thống điện, điều hòa không khí, cấp - thoát nước và phòng cháy chữa cháy cho các cao ốc văn phòng, chung cư, nhà xưởng, khách sạn, bệnh viện. Chất lượng thi công và tiến độ triển khai là cam kết của chúng tôi cho bất cứ công trình nào.

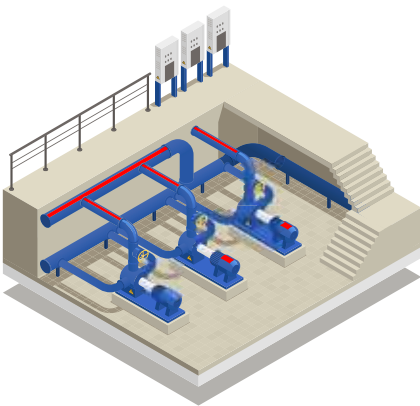


Hệ thống điện:

- Hệ thống phân phối điện trung thế đến 35kV, hạ thế 3 pha 220V – 380V
- Hệ thống máy biến áp, máy phát điện, tủ phân phối điện...
- Hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- Hệ thống chống sét



Hệ thống cơ khí: Hệ thống điều hòa không khí và sưởi ấm thông gió.



Hệ thống cấp - thoát nước: Hệ thống phục vụ cho dân dụng và công nghiệp.

Hệ thống bảo trì:

- Bảo trì tòa nhà.
- Bảo trì nhà máy xử lý nước thải.
- Tín hiệu giao thông, camera và đèn đường.
- Trạm biến áp và đường dây trung thế và hạ thế.

Khác: Vật liệu chống cháy lan, hệ thống quạt tạo áp cầu thang thoát hiểm, hút thoát khói cứu nạn



TRUNG TÂM DỮ LIỆU: Chúng tôi cung cấp các dịch vụ cho thuê chỗ đặt, cho thuê máy chủ, sao lưu dữ liệu, Cloud & CDN... trên nền tảng trung tâm dữ liệu eDatacenter theo chuẩn TIA942/Tier-3, ISO/IEC 27001, và uptime cam kết 99,982%.



Colocation: Dịch vụ Colocation cung cấp khu vực đặt máy chủ biệt lập, an toàn trong môi trường Data Center Tier-3 theo tiêu chuẩn TIA942 với cam kết uptime 99,982%.

Cloud Server: Dịch vụ Cloud Server cung cấp các máy chủ ảo hiệu năng và linh hoạt để bạn triển khai các ứng dụng quan trọng của doanh nghiệp mình.

Dedicated Server: Máy chủ chạy trên một chiếc máy tính vật lý, giống như máy bàn nhưng có những thiết bị hỗ trợ đặc biệt như: HDD (hoặc SSD), CPU, RAM, Card mạng, nguồn điện dự phòng.

Cloud Backup: Dịch vụ sao lưu và khôi phục dữ liệu trên nền tảng Cloud, với công nghệ bảo mật chống Ransomware bằng AI, đảm bảo an toàn dữ liệu tuyệt đối với bất kỳ hệ thống, môi trường nào.

Cloud Storage: Có thể hiểu là một không gian lưu trữ không giới hạn, vừa đảm bảo tính bảo mật cao nhưng vẫn tiết kiệm được chi phí tối đa cho người sử dụng.

Cloud Camera: Cung cấp dịch vụ giám sát an ninh và lưu trữ dữ liệu từ camera trên nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ trên nhiều nền tảng (Web, Mobile App, Desktop).

J-SASE Cloud: Là mô hình mạng bao gồm SD-WAN và các giải pháp bảo mật mạng được tích hợp trên 1 nền tảng đám mây duy nhất.

Hosting: Không gian trên máy chủ, chứa toàn bộ nội dung, dữ liệu của một website như bài viết, hình ảnh, mã nguồn...



CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

DỊCH VỤ VIỄN THÔNG: Chúng tôi triển khai đồng bộ hạ tầng cáp quang trên nền công nghệ GPON tại các KCN ở Bình Dương cũng như các KCN VSIP Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình Phước. Ngoài đối tượng khách hàng doanh nghiệp, VNTT còn đẩy mạnh trong việc khai thác, đáp ứng nhu cầu khách hàng cá nhân trong các Khu dân cư Bình Dương.

Hạ tầng: 100% hạ tầng cáp quang hiện đại

Triển khai: Nhanh chóng

ISP: Một ISP trung lập, có nhiều kết nối tới nhiều nhà cung cấp dịch vụ

SLA: Cam kết SLA

Hỗ trợ: Hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp và kịp thời

Dịch vụ GTGT: Nhiều dịch vụ giá trị gia tăng tích hợp tại eDatacenter



GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN: VNTT cung cấp các giải pháp CNTT toàn diện và dịch vụ Phân phối Công nghệ phù hợp với doanh nghiệp và khu công nghiệp. Các dịch vụ của chúng tôi bao gồm IT Helpdesk, Cơ sở hạ tầng mạng, Hệ thống giám sát, Trung tâm dữ liệu, Nền tảng IoT và Thiết bị CNTT doanh nghiệp. Với hệ sinh thái đối tác mạnh mẽ và chuyên môn kỹ thuật, VNTT đảm bảo các giải pháp công nghệ đáng tin cậy, có thể mở rộng và sẵn sàng cho tương lai cho quá trình chuyển đổi số.

Bản Quyền Phần Mềm: Chúng tôi có thể cung cấp bản quyền phần mềm của: Microsoft, AutoCAD, Tường lửa, Wi-Fi, Antivirus, v.v. Bên cạnh đó, chúng tôi cung cấp dịch vụ triển khai và hỗ trợ cho tất cả các bản quyền được cung cấp.

Hệ Thống Mạng:

- Giải quyết các vấn đề liên quan đến LAN, Wifi, Internet Quản Trị.
- Hỗ trợ cấu hình chính sách Firewall, Core Switch, Access Switch.
- Nâng cấp, cài đặt, xử lý sự cố phần cứng, phần mềm thiết bị mạng.
- Tư vấn tối ưu hệ thống CNTT.

Giải pháp quản trị doanh nghiệp Becawork: Được xây dựng để đáp ứng nhu cầu số hóa và chuyển đổi số cho doanh nghiệp, giải pháp tích hợp nhiều công cụ số hóa trên một nền tảng duy nhất, bao gồm các tính năng như Số hóa biểu mẫu, Quy trình làm việc, Quản lý công việc, Quản lý dự án, Quản lý khách hàng, Điều phối, Mạng nội bộ, Lịch trình làm việc, Mạng xã hội nội bộ, Lưu trữ và chia sẻ tài liệu, cùng các công cụ và tiện ích giúp BecaWork đạt được mục tiêu.

Giải pháp Quản trị tài sản doanh nghiệp BecaEAM: Với các tính năng như lập lịch bảo trì phòng ngừa, theo dõi tài sản, quản lý lệnh làm việc và tích hợp với IoT và cơ sở hạ tầng thông minh, EAM của VNTT là giải pháp lý tưởng cho các khu công nghiệp, thành phố thông minh và các đơn vị vận hành cơ sở quy mô lớn đang tìm kiếm hiệu quả, khả năng hiển thị và tính bền vững cao hơn.

Nền tảng quản trị hiện trường BacaFSM: Một nền tảng được thiết kế để giám sát và quản lý hiệu quả các hoạt động thực địa. Nó bao gồm việc tổ chức, phối hợp, theo dõi và báo cáo các hoạt động như xây dựng, lắp đặt, sửa chữa và bảo trì tại các địa điểm thực địa hoặc địa điểm của khách hàng. Tối ưu hóa hiệu suất của lực lượng lao động. Đảm bảo tính minh bạch, tiến độ kịp thời, chất lượng công việc và sự hài lòng của khách hàng.

IT Helpdesk:

- Giải quyết các vấn đề của người dùng máy tính cá nhân và phần mềm máy tính.
- Báo cáo dịch vụ & bảo trì định kỳ Triển khai & Tích hợp.
- Hỗ trợ và khắc phục sự cố từ xa (Zalo, Ultraview, điện thoại...) trong vòng 1 giờ.
- Có mặt tại chỗ để giải quyết vấn đề trong vòng 3 giờ.



CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

GIẢI PHÁP THÔNG MINH: Trong thời đại công nghệ 4.0, VNTT đã có những bước phát triển mạnh mẽ mở đầu cho xu hướng chuyển dịch sang lĩnh vực phát triển các giải pháp thông minh.

Thành Phố Thông Minh: Bình Dương thực hiện Đề án thành phố thông minh từ năm 2016 với sự hỗ trợ, truyền cảm hứng từ cộng đồng thông minh Brainport Eindhoven (Hà Lan) và Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP.

Tòa Nhà Thông Minh: Nền tảng quản lý điều hành tập trung Toàn bộ dữ liệu hoạt động của tòa nhà bao gồm các hệ quản lý tòa nhà BMS, hệ CCTV, hệ phòng cháy chữa cháy, hệ Access Control và hệ Smart Parking...

Chiếu Sáng Thông Minh: Hệ thống đèn đường thông minh được phát triển dựa theo khái niệm sử dụng LoRa để kết nối không dây với các cảm biến, cổng kết nối, máy móc, thiết bị với đám mây. Nhờ khả năng truyền xa của LoRa (10-20 km).

Giao Thông Thông Minh: Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và viễn thông, giúp việc di chuyển an toàn, hiệu quả và bền vững hơn.

Bãi Đỗ Xe Thông Minh: Giải pháp này bao gồm cả gói phần mềm và phần cứng có thể hoạt động đồng bộ với nhau để tạo thành các tính năng hữu ích. Như hiển thị các chỗ đỗ xe còn lại, chỉ báo hướng đỗ xe, hệ thống báo động khi đỗ xe bất cẩn và hệ thống mạnh mẽ để tìm ô tô đang đỗ.

Giám Sát Phương Tiện: Là một trong những “mảnh ghép công nghệ hoàn hảo” dựa trên nền tảng trực tích hợp giao thông thông minh (ITS) trên nền bản đồ số và giải pháp dữ liệu lớn (Big Data).

Nhà Máy Thông Minh: Một phần của quá trình chuyển đổi công nghiệp 4.0 hay Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nhà Kho Thông Minh: Hay còn gọi là kho hàng thông minh, hệ thống nhà kho thông minh, kho tự động. Kho hàng thông minh có sự kết hợp của các robot lấy hàng tự động, các loại xe nâng, cầu trục, băng tải để di chuyển hàng hóa đến vị trí cần thiết.

Nhà Máy Nước Thải Thông Minh: Giải quyết những khó khăn và khác biệt trong công tác quản lý vận hành tại mỗi nhà máy, hệ thống SCADA tập trung giúp con người có thể điều khiển nhiều trạm xử lý nước thải ở nhiều vị trí khác nhau tại một vị trí trung tâm duy nhất sử dụng Internet không dây.



ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU

Khách hàng nổi bật

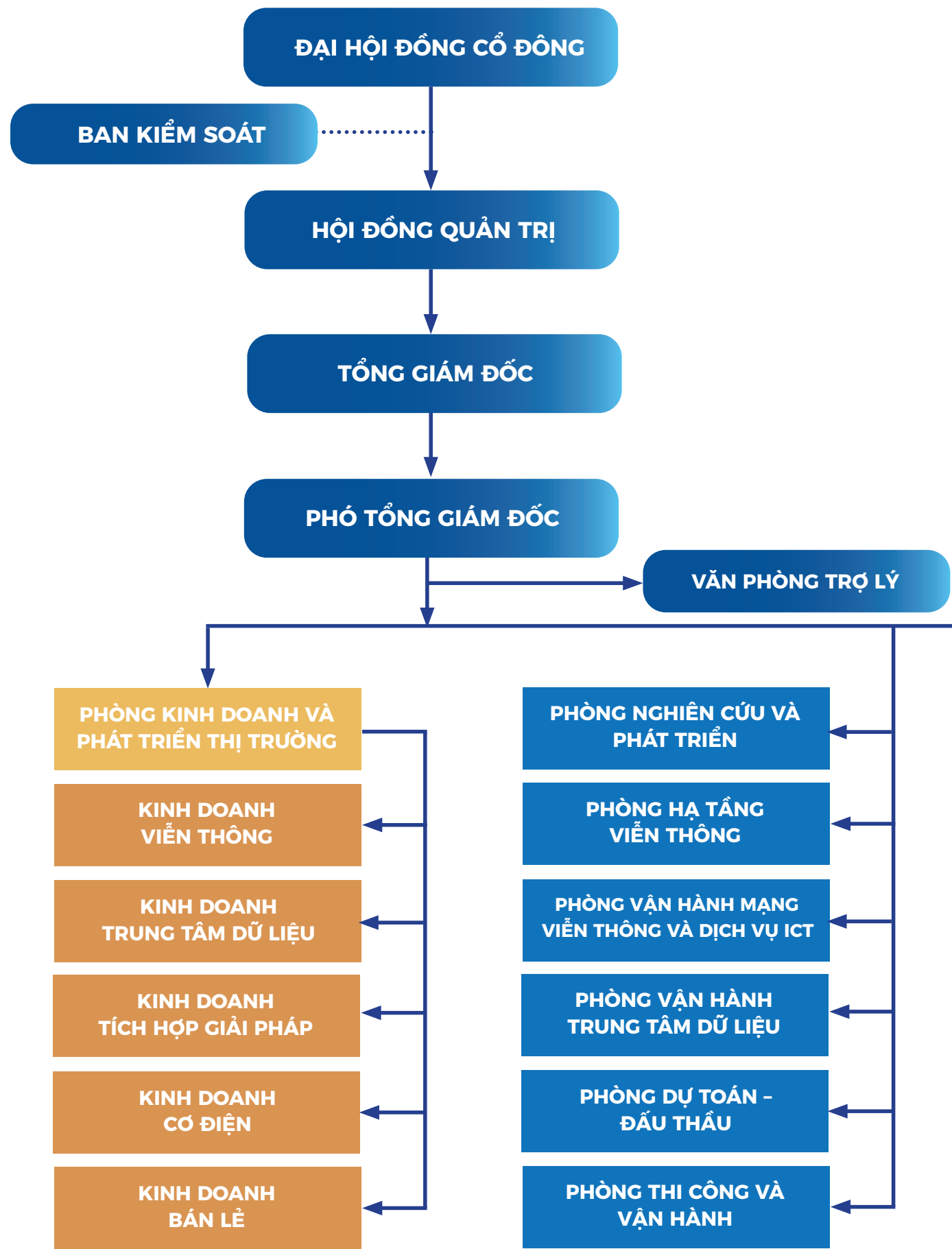


Đối tác



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý



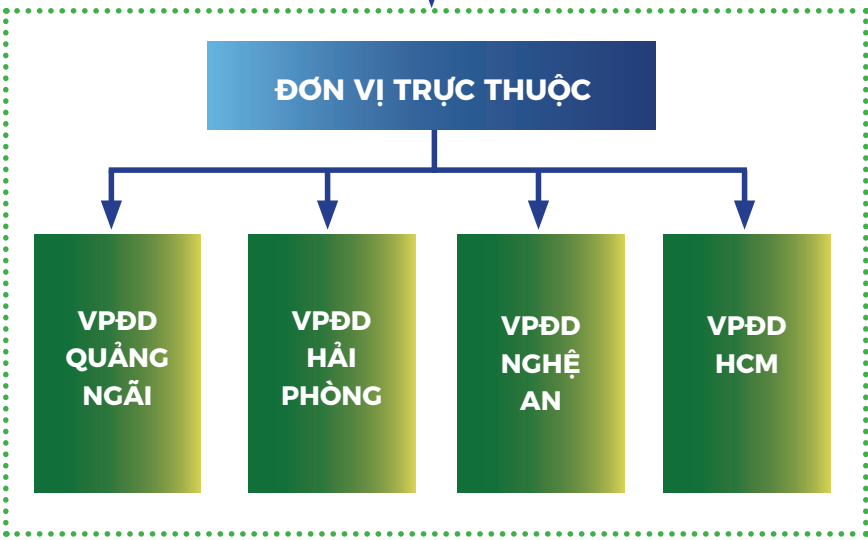
Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”): Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”): Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 05 thành viên.

Ban Kiểm soát: BKS do ĐHĐCĐ bầu ra có 03 Kiểm soát viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Các Công ty con, Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con					
1	Công ty TNHH Giải Pháp VNTT	Số 02, Đường Tiên Phong 03, Khu liên hợp CN-DV-ĐT Bình Dương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất phần mềm, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, hoạt động tư vấn, lập trình máy vi tính...	25.000.000.000	100%
Công ty liên kết: Không có					

Các đơn vị trực thuộc VNTT

- Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty VNTT:** Số 02, Đường Tiên Phong 03, Khu liên hợp CN-DV-ĐT Bình Dương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng Đại diện tại Nghệ An:** Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.
- Văn Phòng Đại diện tại Quảng Ngãi:** Số 1A, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Xã Thọ Phong, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Văn phòng Đại diện tại Hải Phòng:** Số 03 đường Bắc Nam Khu Đô Thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Phường Hòa Bình, Thành phố Hải Phòng.
- Văn phòng Đại diện tại TP. HCM:** Tầng 8, Tòa nhà The Sarus, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện từ ngày 19/01/2026).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Ban Điều hành VNTT định hướng năm 2026 vẫn sẽ tập trung phát triển lĩnh vực hạ tầng thông minh và chuyển đổi số; tiếp tục mở rộng hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển tệp khách hàng doanh nghiệp tại các khu công nghiệp trọng điểm; gia tăng năng lực tài chính; duy trì khả năng sinh lời. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

Chủ trương phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 367.275.000.000 đồng lên 500.228.550.000 đồng trong năm 2026-2027. Tiền thu được từ phát hành cổ phần dự kiến được sử dụng để xây dựng Trung tâm dữ liệu nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh.

Đầu tư và tối ưu hạ tầng hiện hữu:

- Nâng cấp hạ tầng kết nối quốc tế: trong năm 2026 sẽ triển khai nâng cấp dung lượng đường truyền quốc tế từ 10Gbps lên 20Gbps, kết nối từ POP Hong Kong về DC-VNTT nhằm gia tăng năng lực truyền tải dữ liệu quốc tế, đảm bảo độ ổn định và khả năng dự phòng của hệ thống, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng tăng của khách hàng doanh nghiệp. Tích hợp thêm các dịch vụ trên nền tảng hạ tầng cáp quang có sẵn để tăng doanh thu, giảm chi phí đầu tư.
- Nghiên cứu mở rộng điểm POP quốc tế đến năm mở rộng POP VNTT tại Singapore nhằm tăng cường lưu lượng kết nối quốc tế, đa dạng hóa hướng kết nối, nâng cao khả năng dự phòng và tối ưu chất lượng dịch vụ. Việc mở rộng hạ tầng quốc tế là bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn, góp phần từng bước khẳng định vị thế của VNTT trên thị trường viễn thông trong nước và khu vực.
- Đề xuất xây dựng Trung tâm dữ liệu mới công suất 10-30MW để đáp ứng nhu cầu thị trường, tối ưu kế hoạch tài chính, nâng cao vị thế VNTT trên thị trường chứng khoán.
- Tiếp tục tối ưu hạ tầng viễn thông VNTT và phát triển thuê bao FTTH nhằm nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng hiện có, gia tăng biên lợi nhuận, chủ động trong công tác vận hành, xử lý sự cố và chăm sóc khách hàng.
- Triển khai hình thức cung cấp dịch vụ đa nhà mạng thông qua hợp tác với VNPT, Viettel, FPT nhằm mục tiêu tăng tính linh hoạt trong việc cung cấp dịch vụ và độ ổn định của kết nối, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tiếp tục số hóa quy trình nghiệp vụ, ứng dụng cao hàm lượng công nghệ thông tin tại các bộ phận phòng ban, tiêu biểu:

- Triển khai hợp đồng điện tử trong cung cấp dịch vụ viễn thông, số hóa quy trình kinh doanh và chăm sóc khách hàng nhằm rút ngắn thời gian ký kết và triển khai dịch vụ, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý, cải thiện trải nghiệm khách hàng;
- Triển khai hệ thống quản lý dịch vụ hiện trường trong lĩnh vực thi công, bảo trì, xử lý sự cố tại hiện trường nhằm tối ưu hiệu suất đội ngũ nhân sự, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, minh bạch thông tin, số hóa dữ liệu thành các báo cáo có giá trị phục vụ công tác vận hành và quản lý.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển kinh doanh:

- Chăm sóc khách hàng hiện hữu nhằm giữ chân khách hàng và gia tăng doanh thu tối đa từ khách hàng hiện hữu;
- Tiếp cận các khách hàng nhóm FSI, các Công ty trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các doanh nghiệp có định hướng ứng dụng công nghệ để giảm tiêu thụ năng lượng, phát triển xanh, bền vững, các doanh nghiệp có ngân sách lớn chi tiêu cho công nghệ, các khách hàng có nhu cầu khác mà VNTT có thể đáp ứng;
- Mở rộng thị trường tại các khu công nghiệp VSIP Quảng Trị, khu công nghiệp VSIP Cần Thơ nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông của các nhà đầu tư và doanh nghiệp trong khu vực;
- Duy trì chính sách giá linh hoạt phù hợp nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, giữ chân khách hàng trong lĩnh vực trung tâm dữ liệu;
- Kinh doanh các giải pháp thông minh tập trung vào các khu đô thị thông minh và mở rộng phân khúc khách hàng ra ngoài hệ sinh thái Becamex;
- Tăng cường các hoạt động marketing và truyền thông thương hiệu VNTT là doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và giải pháp số toàn diện, từ hạ tầng dữ liệu, số hóa quy trình doanh nghiệp đến triển khai mô hình quản lý tập trung cho Thành phố Hồ Chí Minh, đặc khu Côn Đảo, Vân Đồn, khẳng định vị thế trong các dự án đô thị thông minh.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



VNTT định hướng phát triển trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng, coi chất lượng dịch vụ và hiệu quả sử dụng là thước đo xuyên suốt trong mọi hoạt động. Doanh nghiệp liên tục hoàn thiện danh mục sản phẩm, đồng thời đầu tư chiều sâu cho hạ tầng viễn thông nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ. Hệ thống mạng truy nhập được triển khai đồng bộ trên nền tảng công nghệ GPON thế hệ mới, đáp ứng yêu cầu về tốc độ, độ ổn định và khả năng mở rộng. Cùng với đó, hạ tầng đường trục dung lượng lớn ứng dụng công nghệ DWDM cho phép truyền tải dữ liệu tốc độ cao, phục vụ hiệu quả nhu cầu kết nối ngày càng gia tăng của khối doanh nghiệp. Nhờ sở hữu hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh tại các khu công nghiệp trọng điểm ở Bình Dương và chuỗi Khu công nghiệp VSIP tại Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi..., VNTT có đủ năng lực cung cấp các dịch vụ viễn thông chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt.

Trong lĩnh vực Trung tâm Dữ liệu, VNTT không ngừng mở rộng quy mô và chiều sâu dịch vụ, hình thành hệ sinh thái giải pháp đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng. Các dịch vụ như Cloud Disaster Recovery, Backup/Restore, Cloud Backup cùng mô hình cung cấp dịch vụ ICT tích hợp theo phương thức One-Stop Shop thể hiện rõ định hướng đổi mới và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp. Trên nền tảng đó, VNTT hướng đến hiện đại hóa hạ tầng, tăng cường năng lực truyền dẫn và ứng dụng các giải pháp tiên tiến nhằm mang lại hiệu quả vận hành và trải nghiệm dịch vụ tối ưu cho khách hàng Data Center.

Song song với phát triển công nghệ, VNTT chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh theo hướng linh hoạt và thích ứng với thị trường. Doanh nghiệp mở rộng phạm vi hoạt động, đa dạng hóa đối tượng khách hàng và chuyển dịch từ mô hình cung cấp dịch vụ đơn lẻ sang mô hình dịch vụ tích hợp, qua đó tối ưu nguồn lực, gia tăng giá trị sử dụng và nâng cao sức hấp dẫn đối với các khách hàng, tập đoàn lớn.

Việc củng cố năng lực quản trị tài chính được xác định là yếu tố then chốt nhằm bảo đảm nền tảng tài chính an toàn, chủ động nguồn vốn cho đầu tư phát triển, tạo điều kiện để hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định và bền vững. Đồng thời, VNTT chú trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý, đầu tư cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, qua đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của địa phương, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và đảm bảo các chính sách phúc lợi cho người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn



VNTT tập trung tái cấu trúc và tối ưu hóa quy trình vận hành trên nền tảng các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu, đồng thời gia tăng hàm lượng giá trị thông qua việc tích hợp các dịch vụ bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của từng sản phẩm, dịch vụ. Trên cơ sở đó, Công ty định hướng mở rộng danh mục hoạt động thông qua việc phát triển các nhóm dịch vụ mới, bao gồm nghiên cứu và phát triển phần mềm, cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin thuê ngoài và quản trị hệ thống (ITO, ITMS, AMS), cũng như triển khai dịch vụ tư vấn, thiết kế và giám sát thực hiện các giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp. Song song, VNTT đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển các ứng dụng, nền tảng và dịch vụ giá trị gia tăng, từng bước hoàn thiện hệ sinh thái số của Becamex.

Với tầm nhìn dài hạn, VNTT hướng đến mục tiêu xây dựng thương hiệu trở thành doanh nghiệp công nghệ uy tín hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp các giải pháp và ứng dụng có tính thực tiễn cao, được thị trường và người dùng tin tưởng lựa chọn. Không dừng lại trong phạm vi hệ sinh thái Becamex, Công ty từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh ra thị trường bên ngoài, tập trung vào nhóm khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đang hoạt động tại các khu công nghiệp do Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP quản lý. Thông qua việc cung cấp các giải pháp có hàm lượng giá trị gia tăng cao, VNTT đồng hành cùng khách hàng trong quá trình chuyển đổi số, tối ưu hóa vận hành và nâng cao năng lực quản trị.

Song song với phát triển thị trường trong nước, VNTT đặt mục tiêu vươn ra thị trường quốc tế, từng bước đưa các sản phẩm, giải pháp và dịch vụ công nghệ ra khu vực và thế giới, trong đó Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc được xác định là những thị trường trọng điểm trong giai đoạn tiếp theo.

Trong chiến lược hợp tác quốc tế, VNTT phối hợp cùng NTe-Asia triển khai xây dựng hạ tầng Internet theo tiêu chuẩn chất lượng Nhật Bản, hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ băng thông, phát triển nền tảng Wifi đám mây và góp phần hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin cho Thành phố mới thông minh Bình Dương. Cụ thể, hai bên cùng triển khai dịch vụ Wifi đám mây tại các khu căn hộ, tòa nhà văn phòng, doanh nghiệp và trung tâm thương mại, nhằm hình thành môi trường kết nối tốc độ cao, ổn định và liên tục, đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng gia tăng của người dân và doanh nghiệp.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của VNTT

VNTT thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời chú trọng sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên, đặc biệt là nước và năng lượng điện, nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động. Việc cân đối giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm môi trường được xem là một trong những nguyên tắc nền tảng trong định hướng phát triển lâu dài của Công ty.

Trong hoạt động quản trị và điều hành, VNTT luôn hướng tới việc hài hòa lợi ích của các bên liên quan, bao gồm cổ đông, người lao động và khách hàng, thông qua việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo việc làm bền vững và đảm bảo thu nhập cho người lao động. Công ty nhận thức rõ rằng sự ổn định trong vận hành không chỉ là điều kiện tiên quyết cho tăng trưởng bền vững mà còn là yếu tố bảo đảm đời sống, sự gắn bó và an tâm công tác của đội ngũ nhân sự. Trên cơ sở đó, VNTT từng bước xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và công bằng, khuyến khích người lao động phát huy năng lực, tinh thần trách nhiệm và sự sáng tạo, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

Bên cạnh đó, VNTT đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi và chăm sóc toàn diện cho người lao động thông qua việc triển khai đầy đủ các chính sách về an toàn, vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe. Chế độ tiền lương được thực hiện minh bạch, đúng hạn; tình trạng sức khỏe người lao động được theo dõi định kỳ và cải thiện liên tục. Công ty cam kết duy trì môi trường làm việc không chỉ an toàn về điều kiện vật chất mà còn đảm bảo các yếu tố về an ninh, phúc lợi và sự tôn trọng đối với người lao động.

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, VNTT tích cực tham gia các chương trình hướng đến cộng đồng và an sinh xã hội. Hàng năm, vào các dịp lễ truyền thống như Tết Nguyên đán và Tết Trung thu, Công ty tổ chức nhiều hoạt động thăm hỏi, trao quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em, qua đó lan tỏa tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội. Với định hướng phát triển gắn liền với cộng đồng, VNTT cam kết tiếp tục đồng hành và đóng góp thiết thực cho các hoạt động xã hội, đặc biệt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa và các đối tượng còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế



Trong bối cảnh năm 2026, kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục vận hành trong môi trường rủi ro vĩ mô đan xen, với mức độ bất định cao do căng thẳng địa chính trị, phân mảnh thương mại và biến động chính sách tại các nền kinh tế lớn. Theo IMF (WEO Update tháng 7/2025), tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2026 dự kiến đạt khoảng 3,1%, phản ánh đà tăng trưởng vừa phải nhưng dễ bị ảnh hưởng bởi các cú sốc bên ngoài. Ở góc nhìn thận trọng hơn, Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng toàn cầu giai đoạn 2026-2027 ở mức khoảng 2,5%, cho thấy nền phục hồi còn mong manh và thương mại quốc tế chưa thể tăng tốc rõ rệt. Trong bối cảnh chi phí vốn và điều kiện tài chính vẫn là biến số quan trọng, nhiều doanh nghiệp có xu hướng siết chặt kỷ luật đầu tư, ưu tiên các hạng mục mang lại hiệu quả đo lường được và thời gian hoàn vốn hợp lý.

Các yếu tố vĩ mô nêu trên tác động trực tiếp đến ngành công nghệ thông tin thông qua sự điều chỉnh cơ cấu và nhịp độ chi tiêu. Dù vậy, Gartner dự báo tổng chi tiêu CNTT toàn cầu năm 2026 sẽ đạt khoảng 6,08 nghìn tỷ USD (tăng 9,8% so với 2025), lần đầu vượt mốc 6 nghìn tỷ USD, cho thấy nhu cầu đầu tư vẫn tập trung mạnh vào các năng lực số “cốt lõi” và hạ tầng phục vụ tăng trưởng. Trong thực tế triển khai, ngân sách CNTT nhiều khả năng tiếp tục ưu tiên các hạng mục thiết yếu như vận hành ổn định, an toàn thông tin, tối ưu hiệu suất và nâng cấp hạ tầng – trong khi các sáng kiến đổi mới mang tính thử nghiệm sẽ được cân nhắc kỹ hơn về hiệu quả và rủi ro.

Các rủi ro kinh tế toàn cầu hiện nay dự kiến tác động rõ rệt đến ngành công nghệ thông tin (CNTT) Việt Nam trong giai đoạn 2025-2026, chủ yếu thông qua kênh nhu cầu thị trường, chi phí và dòng vốn. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo chỉ khoảng 2,7-3,1%, thấp hơn mức trung bình trước đại dịch, nhiều doanh nghiệp tại các thị trường lớn có xu hướng thắt chặt ngân sách, khiến nhu cầu thuê ngoài dịch vụ CNTT và triển khai dự án mới có thể chậm lại, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu của các doanh nghiệp xuất khẩu phần mềm. Đồng thời, căng thẳng địa chính trị và phân mảnh chuỗi cung ứng làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung linh kiện công nghệ (đặc biệt là bán dẫn), đẩy chi phí đầu vào tăng và gây bất lợi cho các mảng liên quan phần cứng, IoT và hệ thống nhúng. Ngoài ra, biến động lãi suất, tỷ giá và tâm lý “ngại rủi ro” trên thị trường tài chính có thể làm dòng vốn đầu tư vào công nghệ thận trọng hơn, khiến một số doanh nghiệp gặp khó trong huy động vốn và mở rộng quy mô. Dù vậy, cầu chuyển đổi số trong nước và nhu cầu tối ưu vận hành bằng công nghệ vẫn là lực đỡ quan trọng; nhiều dự báo cho thấy thị trường CNTT Việt Nam có thể tiệm cận khoảng 10 tỷ USD vào năm 2026, phản ánh triển vọng tăng trưởng còn tích cực, nhưng mức độ sẽ phụ thuộc vào khả năng quản trị rủi ro và thích ứng trước biến động bên ngoài.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về tỷ giá



Rủi ro tỷ giá năm 2026 được đánh giá là tiếp tục hiện hữu và khó lường, chủ yếu do bất định chính sách tiền tệ toàn cầu (đặc biệt từ Mỹ) và các cú sốc bên ngoài có thể làm USD biến động mạnh, gây áp lực lên các đồng tiền mới nổi. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng thừa nhận điều hành năm 2026 sẽ gặp thách thức từ yếu tố bên ngoài như chính sách của Fed và các chính sách thuế quan của Mỹ, qua đó làm bài toán ổn định vĩ mô và tỷ giá phức tạp hơn. Trong bối cảnh đó, thị trường và các tổ chức phân tích vẫn kỳ vọng VND chịu áp lực mất giá nhất định (dù mức độ phụ thuộc vào kịch bản), thể hiện qua các dự báo tỷ giá các năm gần kề và nhận định “áp lực tỷ giá 2026 còn tiếp diễn”

Do nguồn cung trong nước còn hạn chế, VNTT phải phụ thuộc chủ yếu vào nguyên vật liệu nhập khẩu. Sự phụ thuộc này khiến Công ty nhạy cảm với biến động tỷ giá, bởi chỉ cần tỷ giá thay đổi cũng có thể làm chi phí đầu vào tăng/giảm khó lường. Khi chi phí nguyên liệu biến động, giá vốn bị ảnh hưởng, từ đó gây áp lực lên biên lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về pháp luật



Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh khi VNTT chưa kịp thời cập nhật hoặc áp dụng chưa phù hợp các quy định pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, VNTT không chỉ chịu ràng buộc bởi các quy định pháp luật chung đối với doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Bộ luật Lao động, mà còn phải tuân thủ các quy định chuyên ngành như Luật An ninh mạng và Luật Công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, do hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang tiếp tục hoàn thiện, một số quy định có thể thay đổi hoặc còn tồn tại điểm chưa đồng bộ; vì vậy, nếu không theo dõi sát và cập nhật kịp thời các nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan trực tiếp đến hoạt động của Công ty, VNTT có thể phát sinh sai sót trong tuân thủ và đối mặt với nguy cơ vi phạm. Nhận thức được các rủi ro này, VNTT thường xuyên theo dõi, rà soát và cập nhật văn bản pháp luật, đồng thời chủ động tham vấn ý kiến của các chuyên gia/tổ chức tư vấn pháp lý đối với các vấn đề vượt ngoài phạm vi xử lý nội bộ của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành



Rủi ro của ngành công nghệ thông tin năm 2026 nổi bật ở 5 nhóm lớn. Thứ nhất là rủi ro an ninh mạng leo thang khi tấn công ngày càng tinh vi và được “khuếch đại” bởi AI, đồng thời rủi ro lan truyền qua bên thứ ba/chuỗi cung ứng khiến một sự cố nhỏ có thể ảnh hưởng diện rộng. Thứ hai là rủi ro pháp lý – tuân thủ tăng mạnh do khung quản trị dữ liệu, an ninh mạng và AI được siết chặt; riêng tại Việt Nam, việc ban hành luật/chuẩn tuân thủ mới về an ninh mạng trong năm 2026 làm chi phí tuân thủ, yêu cầu quy trình và trách nhiệm doanh nghiệp tăng lên đáng kể. Thứ ba là rủi ro “ảo tưởng tăng trưởng” từ làn sóng AI: các tổ chức nghiên cứu cảnh báo áp lực chuyển từ “hào hứng” sang chứng minh hiệu quả đo được, khiến dự án AI dễ bị cắt giảm nếu không tạo ROI rõ ràng và không bảo đảm an toàn. Thứ tư là rủi ro thị trường và ngân sách: dù chi tiêu CNTT toàn cầu dự báo vẫn tăng, mức tăng không đồng đều và nhạy với bất định kinh tế-địa chính trị, dẫn đến vòng đời bán hàng dài hơn, khách hàng đàm phán gắt gao hơn và ưu tiên các hạng mục “thiết yếu”. Cuối cùng là rủi ro nguồn nhân lực và năng lực triển khai (thiếu nhân sự kỹ thuật cao, đặc biệt mảng cloud/AI/cyber), cộng với áp lực chi phí hạ tầng (data center, cloud) khiến biên lợi nhuận dễ bị co nếu doanh nghiệp không kiểm soát tốt giá vốn và năng suất.

Rủi ro khác



Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù, VNTT cũng đối mặt với những yếu tố bất khả kháng như dịch bệnh và thiên tai (lũ lụt, hạn hán...). Trước bối cảnh đó, VNTT luôn duy trì mức độ cảnh giác cao, định kỳ kiểm tra – bảo trì thiết bị, đồng thời trang bị đầy đủ các gói bảo hiểm tài sản cần thiết nhằm hạn chế tối đa thiệt hại, qua đó bảo đảm hoạt động kinh doanh được vận hành thông suốt, liên tục.

Với nguồn nhân lực – lực lượng trực tiếp tạo ra sản phẩm và giá trị cho VNTT – Công ty chú trọng xây dựng chính sách phát triển bền vững thông qua việc mở rộng cơ hội đào tạo, nâng cao năng lực, triển khai bảo hiểm cho người lao động, tăng cường các chế độ hỗ trợ phù hợp và kiến tạo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

38	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
40	Tổ chức và nhân sự
61	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
62	Tình hình tài chính
68	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
71	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KQKD NĂM 2025	So với kế hoạch		So với năm 2024	
			KH2025	%TH/KH	TH2024	%TH2025/TH2024
1	Tổng doanh thu	430.093	412.500	104,3%	369.035	116,5%
2	Tổng chi phí	339.320	332.500	102,1%	293.030	115,8%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	89.416	79.000	113,2%	73.938	120,9%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	90.773	80.000	113,5%	76.005	119,4%
5	Lợi nhuận sau thuế	72.589	64.000	113,4%	61.075	118,9%



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

72,59 Tỷ đồng

Năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan với tổng doanh thu đạt 430.092 triệu đồng, hoàn thành 104,65% kế hoạch và tăng 16,55% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ sự gia tăng doanh thu trong lĩnh vực xây dựng các công trình chuyên dụng, khi Công ty đẩy mạnh triển khai và nghiệm thu nhiều hạng mục công trình trong kỳ, qua đó làm tăng đáng kể giá trị sản lượng thực hiện. Bên cạnh đó, với nền tảng hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và truyền thông, doanh nghiệp đã từng bước mở rộng các dịch vụ và giải pháp công nghệ, tận dụng kinh nghiệm nhiều năm trong ngành để gia tăng quy mô hợp đồng và thị phần, qua đó đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng của doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Song song với sự mở rộng quy mô doanh thu, tổng chi phí năm 2025 tăng 15,80% so với năm trước, chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng tương ứng với khối lượng công trình và dịch vụ được triển khai trong kỳ. Việc doanh thu từ hoạt động xây dựng gia tăng thường kéo theo chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí thi công và các chi phí trực tiếp khác tăng theo, dẫn đến giá vốn hàng bán tăng mạnh hơn so với các khoản chi phí còn lại. Tuy nhiên, các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn được kiểm soát tương đối chặt chẽ, trong đó chi phí quản lý còn giảm so với năm trước, phản ánh nỗ lực của doanh nghiệp trong việc tối ưu hóa bộ máy vận hành và nâng cao hiệu quả quản trị chi phí.

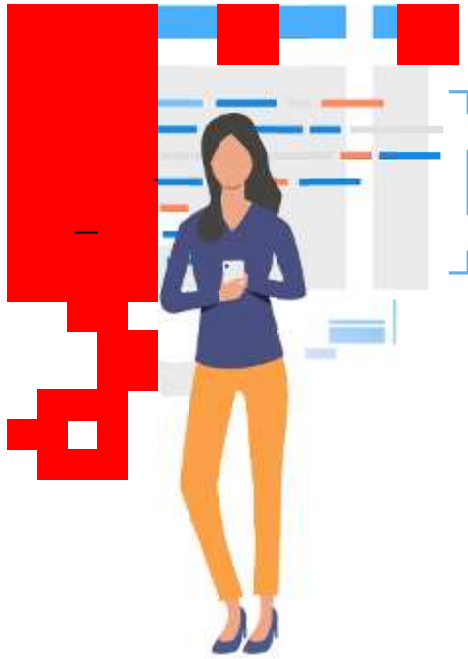
Nhờ sự tăng trưởng doanh thu cùng với việc kiểm soát hiệu quả các chi phí hoạt động, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 89.416 triệu đồng, vượt 13,18% kế hoạch và tăng gần 21% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 90.773 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 72.589, lần lượt vượt hơn 13% kế hoạch và tăng khoảng 18,85% so với năm trước. Kết quả này cho thấy Công ty không chỉ mở rộng quy mô hoạt động mà còn duy trì được hiệu quả kinh doanh tương đối ổn định, qua đó củng cố nền tảng tài chính và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành phần và cơ cấu bộ máy quản trị, quản lý

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Lê Phan Minh Vũ	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)
2	Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT (thành viên điều hành)
3	Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT (không điều hành)
4	Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng	Thành viên HĐQT (không điều hành)
5	Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên HĐQT (không điều hành)
BAN ĐIỀU HÀNH		
1	Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng
BAN KIỂM SOÁT		
1	Ông Nguyễn Hải Hoàng	Trưởng BKS
2	Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên BKS



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Hội đồng quản trị

01

ÔNG LÊ PHAN MINH VŨ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1976

Trình độ: Thạc sĩ Chuyên ngành MBA

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SetiaBecamex.
- Phó Giám đốc điều hành Phòng Sản xuất kinh doanh Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2000 – 2003	Nhân viên phòng KTKT Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2003 – 2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương
2014 – 2016	Giám đốc bộ phận cung ứng vật tư Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2016 – 2018	Thường trực HĐQT Công ty SetiaBecamex
	Thường trực HĐQT Công ty SetiaBecamex
2018 – 2023	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
	Chủ tịch HĐQT Công ty SetiaBecamex
2023 – Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
	Phó Giám đốc Điều hành Phòng SXKD Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Hội đồng quản trị

02

ÔNG PHẠM TUẤN ANH

Phó Chủ tịch HĐQT (thành viên điều hành)

Năm sinh: 1985

Trình độ: Tiến sĩ Công nghệ thông tin

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Giám đốc Công nghệ thông tin, Giám đốc Trung tâm Sản xuất thông minh, Giám đốc Văn phòng trợ lý thuộc Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Giải pháp VNTT

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

09/2018 - 07/2019	Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển, Công ty Orient Software
07/2019 - 12/2023	Giám đốc Phát triển CNTT, Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
04/2022 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
11/2022 - nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Giải pháp VNTT
12/2023 - nay	Giám đốc Công nghệ thông tin; Giám đốc Trung tâm Sản xuất thông minh; Giám đốc Văn phòng Trợ lý, Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP

03

BÀ VÕ THỊ THANH HƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1975

Trình độ: Thạc sĩ kinh tế phát triển, Cao cấp Chính trị

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Người đại diện vốn, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
- Giám đốc Viễn thông Bình Dương (đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 6.040 cổ phần, tương đương 0,016445% VDL
- Cổ phần đại diện sở hữu: 2.000.000 cổ phần, tương đương 5,45% VDL (Đại diện vốn của VNPT)

Quá trình công tác:

04/1998 - 08/2004	Chuyên viên kế toán Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Bưu điện tỉnh Bình Dương
08/2004 - 12/2007	Phó phòng Đầu tư - XDCEB, Bưu điện tỉnh Bình Dương
01/2008 - 05/2009	Phó phòng Đầu tư - XDCEB, Viễn thông Bình Dương
05/2009 - 12/2013	Trưởng phòng Đầu tư - XDCEB, Viễn thông Bình Dương; Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
01/2014 - 05/2015	Trưởng phòng Đầu tư - Phát triển hạ tầng, Viễn thông Bình Dương; Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý
5/2015 - 11/2015	Trưởng phòng Đầu tư - XDCEB, Viễn thông Bình Dương - Chi ủy viên Chi bộ Khối quản lý, Đảng ủy viên Đảng bộ Viễn thông Bình Dương nhiệm kỳ 2015 – 2020
11/2015 - 12/2017	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch Kế toán Viễn thông Bình Dương; Đảng ủy viên Đảng bộ Viễn thông Bình Dương; Bí thư Chi bộ Khối Quản lý
12/2017 - 02/2019	Phó Giám đốc Viễn thông Bình Dương; Đảng ủy viên Đảng bộ Viễn thông Bình Dương; Bí thư Chi bộ Khối Quản lý; Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Viễn thông Bình Dương
03/2019 - 06/2020	Phó Giám đốc Viễn thông Bình Dương phụ trách Viễn thông Bình Dương; Trưởng Đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại tỉnh Bình Dương; Đảng ủy viên Đảng bộ Viễn thông Bình Dương; Bí thư Chi bộ Khối Quản lý; từ 06/2019 được chuẩn y bổ sung Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Viễn thông Bình Dương; Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Viễn thông Bình Dương
06/2020 - 09/2025	Giám đốc Viễn thông Bình Dương - Trưởng Đại diện của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Dương, ủy viên BCH Đảng bộ Khối CQ và DN tỉnh Bình Dương. Bí thư Đảng bộ VTBD nhiệm kỳ 2020-2025 ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Viễn thông Bình Dương. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.
10/2025 - Nay	Phó giám đốc Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Hội đồng quản trị

04

ÔNG LÊ NGUYỄN BẢO TRỌNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1983

Trình độ:

- Thạc sĩ Quản lý Dự Án
- Kiến trúc sư Kiến trúc công trình

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Giám đốc điều hành Phòng Kinh tế Kỹ thuật – Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2006 - 2007	Nhân viên, Công ty ASC, TP.HCM
2007 - 2008	Nhân viên, Công ty Archetype Việt Nam Ltd. – Chi nhánh TP.HCM
2010 - 2010	Nhân viên Phòng Xây dựng Cơ bản, Trường Đại học Thủ Dầu Một
2010 - 2012	Nhân viên tại Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2012 - 2015	Phó phòng Chiến lược Kinh doanh, Công ty Becamex Tokyu
2015 - 2017	Nhân viên tại Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2017 - 2018	Tổ trưởng Tổ Hợp đồng và Cung ứng vật tư - Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2019 - 2020	Phó Giám đốc Ban Quản lý Nhà ở Xã hội - Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2020 - Nay	Giám đốc điều hành Phòng Kinh tế Kỹ thuật - Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP

05

ÔNG NGUYỄN BÁ THƯỚC

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1950

Trình độ: Kỹ sư Thông tin Viễn thông

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 500 cổ phần tương đương 0,001361% VDL
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

1977 - 1980	Kỹ sư; Trưởng ban Quy hoạch mạng lưới viễn thông; Trưởng phòng Kỹ thuật; Hiệu trưởng Trường Kỹ thuật – Bưu điện Thành phố Hà Nội, Tổng cục Bưu điện
1981 - 1984	Cố vấn mạng viễn thông Văn phòng Trung ương, Văn phòng Chính phủ nước CH-DCND Lào
1987 - 1997	Phó Giám đốc; Giám đốc Công ty XNK Vật tư Bưu điện, Công ty Thiết bị Viễn thông – Tổng cục Bưu điện
1998 - 2010	Trưởng Ban Kế hoạch; Phó Tổng Giám đốc, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
2010 - Nay	Thành viên HĐQT, CTCP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban Kiểm soát

01

ÔNG NGUYỄN HẢI HOÀNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1991

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Phó Giám đốc Phòng Quản lý tài chính - Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
- Trưởng BKS, CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
- Trưởng BKS, CTCP Phát triển Đô thị
- Trưởng BKS, CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)
- Trưởng BKS, CTCP Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCE)

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2014 - 2018	Chuyên viên phân tích đầu tư CTCP Chứng khoán Rồng Việt
2018 - 2019	Chuyên viên phân tích đầu tư Quỹ đầu tư Korea Investment (Văn phòng TP.HCM)
2019 - 2020	Nhân viên Tổ trợ lý Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2020 - nay	Phó giám đốc Phòng quản lý Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
	Thành viên BKS, Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
	Trưởng BKS, CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
04/2022 - nay	Trưởng BKS, CTCP Phát triển Đô thị
	Trưởng BKS, CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (TDC)
	Trưởng BKS, CTCP Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BCE)



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban Kiểm soát

02

BÀ NGUYỄN THỊ THANH TRÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ: Cử nhân Kinh tế và Quản lý Công

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chuyên viên Phòng Quản lý tài chính - Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP (Ban quản lý và phát triển vốn đã sáp nhập vào Phòng quản lý tài chính)
- Thành viên HĐQT, CTCP Phát triển Đô thị

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2009 - 2020	Nhân viên Phòng Đầu tư thuộc Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2020 - 2022	Nhân viên Phòng Quản lý Công ty Cổ phần thuộc Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2022 - Nay	Chuyên viên Ban Quản lý và Phát triển Vốn thuộc Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
04/2023 -Nay	Thành viên BKS, Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
04/2024 - Nay	Thành viên HĐQT, CTCP Phát triển Đô thị

03

ÔNG NGUYỄN MINH DƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1979

Trình độ:

- Cử nhân kinh tế Tài chính nhà nước
- Thạc sĩ kinh tế Kinh tế tài chính – ngân hàng

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, tương đương 0,0000011% vốn điều lệ
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

04/2021 – 06/2021	Nhân viên Phòng Đầu tư thuộc Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
06/2021 – 06/2023	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thới Hòa kiêm Giám đốc BQL dự án Cảng An Tây thuộc Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
06/2023 – Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
08/2023 – Nay	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban Điều hành

01

ÔNG NGUYỄN CHÂU THANH HIỂN

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ:

- Cử nhân chuyên ngành Điện – Điện tử
- Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

2000 - 2001	Kỹ sư dự án Công ty TNHH Mêkông Á Châu
2002 - 2005	Giám định viên Công ty Cổ phần Khử trùng Giám định Việt Nam
2005 - 2006	Kỹ sư Giám sát công trình Công ty Cổ phần Cơ - Điện lạnh Ree
2006 - 2007	Kỹ sư Giám sát công trình Công ty Cổ phần Năng lượng Vina Power 2
2007 - 2009	Kỹ sư Phòng KTKT Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2010 - 2015	Phó Giám đốc Trung tâm Quy hoạch Thiết kế - Phòng SXKD Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
2015 - 2023	Trưởng phòng MEP Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
2023 - 08/2024	Trưởng phòng TKGP Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam
09/2024 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

02

ÔNG NGUYỄN VĂN PHÚC

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1975

Trình độ: Cử nhân Kinh tế - Ngành kế toán

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Quá trình công tác:

10/1999 - 02/2002	Nhân viên văn phòng Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Đức Dũng
02/2002 - 06/2007	Nhân viên văn phòng Công ty Xổ số Kiến thiết Bình Dương
07/2007 - 04/2009	Nhân viên văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị
04/2009 - 03/2015	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị
03/2015 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Thu nhập bình quân

Tính tại ngày 31/12/2025				
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (Đồng/người/ tháng)	13.339.848	14.805.000	16.533.000	16.849.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

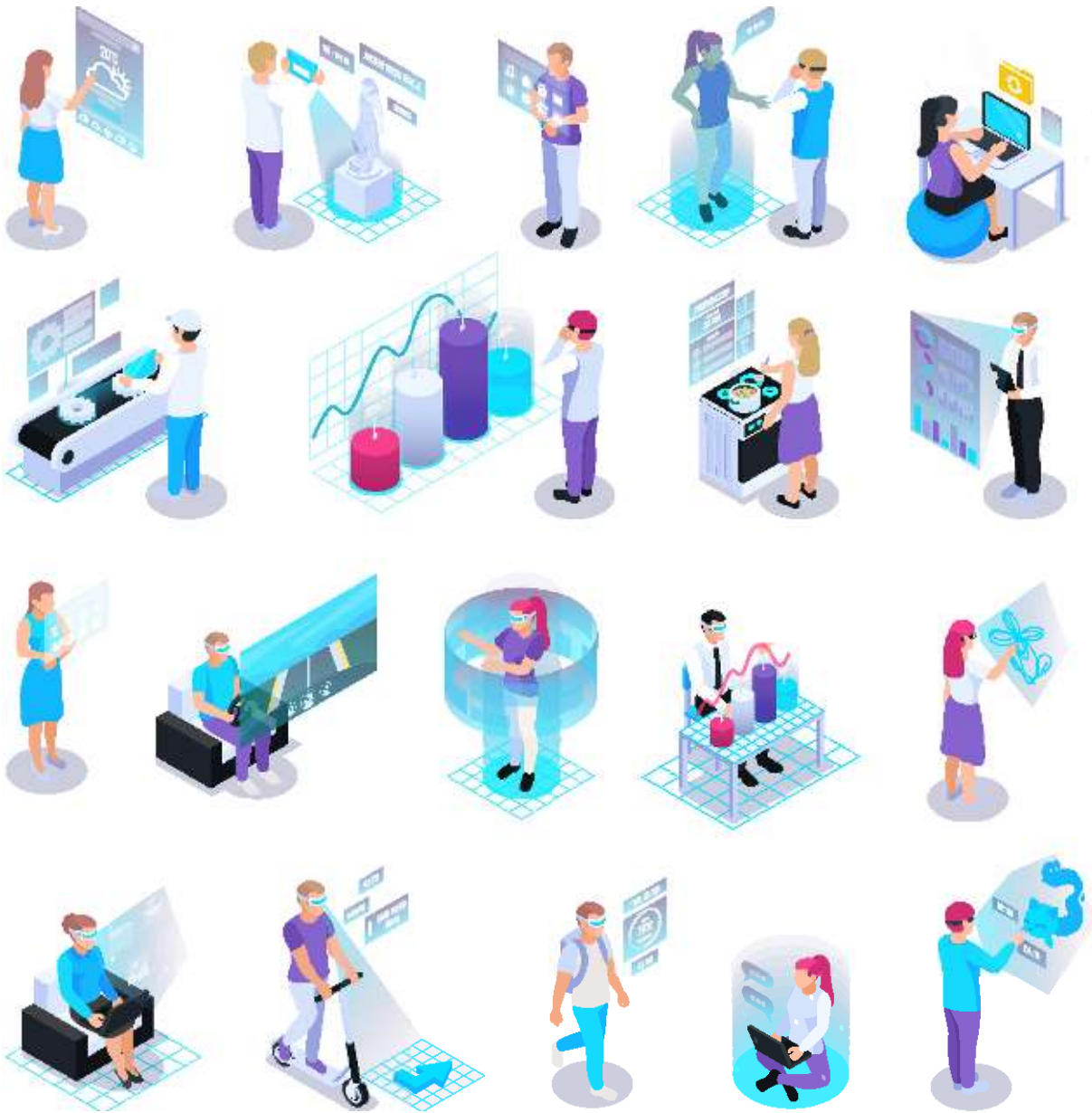
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	337	100%
1	Trên đại học	5	1,48%
2	Đại học	194	57,57%
3	Cao đẳng	52	15,43%
4	Trung cấp	37	10,98%
5	Lao động phổ thông, chứng chỉ nghề	49	14,54%
B	Theo đối tượng lao động	337	100%
1	Lao động trực tiếp	121	35,91%
2	Lao động gián tiếp	216	64,09%
C	Theo giới tính	337	
1	Nam	254	75,37%
2	Nữ	83	24,63%
D	Theo thời hạn HĐLĐ	337	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	86	25,52%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	73	21,66%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	178	52,82%
E	Theo cấp quản lý	337	100%
1	Quản lý cấp cao	3	0,89%
2	Quản lý cấp trung	25	7,42%
3	Quản lý cấp chi nhánh	47	13,95%
4	Chuyên viên, nhân viên	262	77,74%
F	Theo độ tuổi	337	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	62	18,40%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	146	43,32%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	99	29,38%
4	Trên 45	30	8,90%

Chính sách nhân sự

66

VNTT xác định nguồn nhân lực là tài sản cốt lõi và là động lực quyết định cho tăng trưởng dài hạn. Vì vậy, Công ty liên tục rà soát, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống chính sách nhân sự nhằm thu hút đúng người, phát triển đúng năng lực và giữ chân nhân tài thông qua các cơ chế đãi ngộ và lộ trình nghề nghiệp rõ ràng. Tại VNTT, văn hóa doanh nghiệp được hình thành trên nền tảng cân bằng giữa chính sách lương thưởng minh bạch – linh hoạt, đào tạo bài bản và liên tục, cơ hội thăng tiến dựa trên năng lực, cùng một môi trường làm việc cởi mở, tôn trọng và gắn kết. Cách tiếp cận này giúp VNTT xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng, ổn định, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu vận hành hiện tại và mục tiêu phát triển trong tương lai.

99



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng:

- Thực hiện công khai và minh bạch.
- Ưu tiên tuyển dụng NLD có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi Công ty đặt văn phòng.
- Việc tuyển dụng áp dụng đối với các vị trí thuộc thẩm quyền của TGD thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty. Riêng các vị trí thuộc thẩm quyền của HĐQT việc tuyển dụng sẽ do HĐQT quyết định (thực hiện theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban TGD tại từng thời điểm).

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:

Tổng số giờ đào tạo trong 2025 (bao gồm tất cả các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài): 2988 giờ.

Trong đó:

- Cấp lãnh đạo (D): 156 giờ
- Cấp quản lý (M): 374 giờ
- Quản lý cấp trung (TL): 399 giờ
- Cấp nhân viên (SE, E, O, S): 1951 giờ
- Thực tập sinh: 108 giờ



Chính sách nhân sự

Chính sách an toàn, bảo hộ lao động:

- CBNV được tham gia đào tạo đầy đủ các khóa an toàn vệ sinh lao động theo tính chất công việc của từng chức vụ: Nhóm 1,2,3,4.
- CBNV được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động và các thiết bị làm việc an toàn.
- Đào tạo PCCC, CNCH: 2025 do thực hiện sáp nhập tỉnh nên đơn vị đào tạo chưa thực hiện đào tạo được (Dời đào tạo vào 01/2026).

Về đào tạo: VNTT đặc biệt ưu tiên đầu tư cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xem đây là trụ cột quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường. Công ty triển khai hệ thống chương trình đào tạo đa dạng, bao phủ từ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm, quản trị đến các nội dung nâng cao năng lực theo vị trí.

Các hoạt động đào tạo tiêu biểu gồm: Quản trị tinh gọn hệ thống, Bồi dưỡng Pháp lý chuyên sâu, Quản trị Công ty.

Thông qua các chương trình này, VNTT hướng đến mục tiêu nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người lao động, xây dựng lực lượng kế thừa vững vàng, bảo đảm tính ổn định trong vận hành và nền tảng phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tạo điều kiện để nhân viên phát triển sự nghiệp, tăng cường gắn kết và đồng hành lâu dài cùng VNTT.

Môi trường làm việc: VNTT kiên định xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp – năng động – thân thiện, nơi mỗi nhân viên được tôn trọng, được trao cơ hội phát triển và có nền tảng để gắn bó lâu dài. Văn hóa doanh nghiệp của VNTT được hình thành và lan tỏa dựa trên các giá trị cốt lõi: toàn diện, đồng hành, bền vững và đổi mới.

Công ty đề cao tinh thần đoàn kết, sẻ chia và tương trợ, khuyến khích nhân viên chủ động giao lưu, học hỏi, phối hợp hiệu quả và hỗ trợ lẫn nhau trong công việc. Song song đó, VNTT chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ điều kiện làm việc hiện đại và tiện nghi; đồng thời đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy, tạo dựng không gian làm việc an toàn, thoải mái, góp phần nâng cao hiệu suất.

Bên cạnh các yếu tố chuyên môn, VNTT duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa – thể thao – du lịch – thiện nguyện nhằm nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sự gắn kết nội bộ. Trong năm 2025, các hoạt động tiêu biểu gồm: tổ chức chương trình du lịch dành cho cán bộ nhân viên; trao quà cho con em nhân viên nhân dịp Quốc tế Thiếu nhi; phối hợp triển khai các chương trình cộng đồng và ngày hội việc làm; đồng thời thăm hỏi, động viên và tặng quà cho nhân viên cùng người thân vào các dịp lễ, Tết.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Về lương thưởng, phúc lợi: VNTT xây dựng hệ thống đãi ngộ theo định hướng cạnh tranh – minh bạch – công bằng, nhằm ghi nhận đúng mức và khen thưởng xứng đáng những đóng góp của người lao động. Công ty áp dụng mô hình trả lương 3P (Position – Person – Performance), bảo đảm cơ sở xác định thu nhập rõ ràng theo vị trí công việc, năng lực cá nhân và kết quả thực hiện. Bên cạnh đó, VNTT triển khai cơ chế xét tăng lương định kỳ cùng nhiều hình thức khen thưởng linh hoạt để kịp thời động viên, tạo động lực làm việc; đồng thời quan tâm hỗ trợ các trường hợp khó khăn thông qua chương trình tặng quà Tết.

Về phúc lợi, VNTT thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định pháp luật (BHXH, BHYT, BHTN), song song với các chính sách chăm lo bổ sung như khám sức khỏe định kỳ, các khoản hỗ trợ thiết thực và quà tặng dành cho con em nhân viên, góp phần nâng cao chất lượng đời sống và sự an tâm gắn bó của đội ngũ.

Để thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao, VNTT triển khai các giải pháp đồng bộ trên cả hai phương diện tuyển dụng và phát triển nội bộ. Công ty chủ động tham gia ngày hội việc làm, tăng cường hợp tác với các trường đại học nhằm tiếp cận nguồn ứng viên tiềm năng, đặc biệt là sinh viên mới tốt nghiệp. Đồng thời, VNTT xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, tạo điều kiện học tập – phát triển năng lực, mở rộng cơ hội thăng tiến và khuyến khích cân bằng giữa công việc và cuộc sống.

Ở chiều giữ chân nhân tài, VNTT chú trọng củng cố văn hóa doanh nghiệp gắn kết, duy trì chính sách lương thưởng – phúc lợi cạnh tranh, cơ chế ghi nhận minh bạch và khen thưởng kịp thời. Đặc biệt, Công ty thiết kế và triển khai chương trình tri ân nhân sự thâm niên, qua đó ghi nhận sự đồng hành lâu dài và tăng cường sự gắn bó bền vững của nhân viên với VNTT.



Hoạt động Công đoàn VNTT

Thực hiện chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho cán bộ, công chức, viên chức:

- Tham gia thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp (theo Luật thực hiện dân chủ cơ sở 2022 và Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ), phát huy vai trò của người lao động tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, chính quyền ở địa phương, đơn vị.
- Tham gia cùng người sử dụng lao động chăm lo đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.
- Kết quả Ban chấp hành Công đoàn cơ sở triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12 tháng 6 năm 2021 của Bộ Chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới”; Vai trò đại diện của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở đối với những chính sách theo quy định Bộ Luật lao động 2019 và những quy định mới.
- Việc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên công đoàn đã được công đoàn tập trung thực hiện, vai trò tham gia phối hợp quản lý với Công ty ngày càng hiệu quả.
- Công đoàn thường xuyên giám sát về tình hình thực hiện pháp luật lao động, Luật Công đoàn, Luật BHXH, Luật BHYT, công tác ATVSLĐ, PCCC, Bảo hộ lao động tại Công ty. Qua giám sát Công ty đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật.
- Công đoàn thương lượng, ký kết thành công thỏa ước lao động tập thể với Công ty với thời hạn 03 năm kể từ ngày 26/07/2023 đến 25/07/2026.
- Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, trong thời gian qua công đoàn phối hợp với Công ty tổ chức đối thoại định kỳ và hội nghị người lao động 01 năm/lần.
- Trong nhiệm kỳ qua, bằng nguồn kinh phí của công đoàn tại cơ sở, công đoàn phối hợp với Ban Điều hành Công ty chăm lo tốt đời sống đối với đoàn viên công đoàn với các hoạt động cụ thể:
- Vào dịp Tết Nguyên Đán, Công đoàn cơ sở VNTT trao tặng các phần quà Tết cho toàn bộ đoàn viên công đoàn.
- Thường xuyên phối hợp với Công đoàn cấp trên trao tặng các phần quà cho các đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo các trường hợp tặng suất học bổng cho các con của đoàn viên học giỏi có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời đến từng đoàn viên công đoàn mỗi khi bản thân và gia đình có việc như: Kết hôn, thai sản, ốm đau, và chia buồn đám tang theo quy chế của công đoàn.
- Bên cạnh đó, ngoài việc thăm hỏi, động viên thường xuyên, một số trường hợp đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bệnh hiểm nghèo... công đoàn tổ chức vận động các công đoàn viên quyền góp ủng hộ với tinh thần “lá lành đùm lá rách” cùng giúp nhau vượt qua hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Phát động, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, viên chức, người lao động và hoạt động công đoàn:

- Trong nhiệm kỳ qua, công đoàn phối hợp với Công ty tổ chức các phong trào Hội thao VNTT 2023 (với hơn 200 lao động tham gia, tổng giá trị giải thưởng 28.500.000đ), Giải bóng đá tứ hùng năm 2024 (với tổng số lao động tham gia hơn 100 lao động, tổng giá trị giải thưởng 12.000.000đ).
- Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào thi đua, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn, sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động đề ra sáng kiến, cải tiến kỹ thuật góp phần hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn, sản xuất kinh doanh của đơn vị, doanh nghiệp.
- Tham mưu với người sử dụng lao động trong tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của công nhân, viên chức, lao động; hỗ trợ công nhân, viên chức, lao động học tập nâng cao trình độ về mọi mặt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị, doanh nghiệp.



Công tác tuyên truyền, giáo dục trong đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động:

- Trong nhiệm kỳ qua, công tác tuyên truyền, giáo dục của Công đoàn cơ sở được triển khai tương đối kịp thời, tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn. Do đoàn viên công đoàn làm việc phân tán ở nhiều bộ phận, nhất là các phòng ban có đoàn viên thường xuyên tham gia thi công tại công trình, dự án, cùng với áp lực công việc chuyên môn cao, nên việc tập hợp đoàn viên và tổ chức các buổi tuyên truyền, sinh hoạt chuyên đề còn hạn chế.
- Trong điều kiện đó, Công đoàn cơ sở đã tập trung tuyên truyền nội quy, quy chế của Công ty; các nội dung hoạt động của Công đoàn cơ sở; và các phong trào do các đơn vị thành viên Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP và Công đoàn VSIP cấp trên phát động. Các hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức của đoàn viên, người lao động về pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, qua đó giúp người lao động hiểu rõ hơn quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình làm việc.
- Thời gian tới, Công đoàn cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; đồng thời phối hợp với doanh nghiệp vận động người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế, góp phần xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

Công tác xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh:

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động CĐCS, đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh theo Hướng dẫn 44/HD-TLĐ ngày 11/4/2025 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam từng bước đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị.
- Thực hiện tốt quy chế BCH, quy chế phối hợp với chủ Doanh nghiệp, các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động BCH CĐCS, kịp thời củng cố, thay thế nhân sự đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị.
- Làm tốt công tác giới thiệu, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú sang đảng xem xét, kết nạp; tạo điều kiện nâng cao chất lượng đoàn viên ưu tú. Xây dựng và phát triển lực lượng nòng cốt trong công nhân, viên chức, lao động.
- Vận động công nhân, viên chức, lao động học tập, rèn luyện nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, đóng góp xây dựng Đảng, đơn vị trong sạch, vững mạnh.
- Bên cạnh đó một số hoạt động của công đoàn còn đơn điệu, chưa thực sự thu hút và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của đoàn viên và sự phối hợp giữa công đoàn và các phòng ban khác trong Công ty đôi khi chưa chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao.

Hoạt động nữ công:

- Tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nữ đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, người lao động; quan tâm, hỗ trợ kịp thời các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn.
- Hàng năm, Công đoàn phối hợp với Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức các hoạt động tặng quà, họp mặt nữ đoàn viên nhân dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10. Đồng thời, nhân dịp Tết Trung thu tổ chức chương trình “Lễ hội Trăng rằm VNTT” và Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, tổ chức tặng quà cho con của đoàn viên công đoàn; từ năm 2025 thay đổi chương trình tặng quà cho con đoàn viên có thành tích học tập trong năm học.
- Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các lớp tập huấn về công tác nữ công do công đoàn cấp trên tổ chức.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tổng giá trị đầu tư năm 2025 (gồm đầu tư mua sắm tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản) đạt 29,7 tỷ đồng. Trong đó:

- Đầu tư hệ thống server ảo hóa và server AI: 13,5 tỷ đồng, chiếm 45,5% tổng giá trị đầu tư năm 2025.
- Đầu tư lắp đặt cải tạo hạ tầng viễn thông các khu công nghiệp (“KCN”)/khu dân cư: 10,7 tỷ đồng, chiếm 36,1%.
- Đầu tư trang bị hệ thống Firewall mới cho Datacenter: 2,1 tỷ đồng, chiếm 7,1%.
- Đầu tư hệ thống giám sát mạng cáp quang chủ động: 1.0 tỷ đồng, chiếm 3,4%.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Thay đổi
Tổng giá trị tài sản	576.968	632.181	9,57%
Doanh thu thuần	360.802	419.149	16,17%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	73.938	89.416	20,93%
Lợi nhuận khác	2.067	1.356	-34,40%
Lợi nhuận trước thuế	76.005	90.773	19,43%
Lợi nhuận sau thuế	61.075	72.589	18,85%



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2024	2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,65	4,21
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,42	3,06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	17,73	20,02
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,56	25,03
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,65	0,69
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,48	2,42
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,93	17,32
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,30	14,81
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,05	12,01
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	20,49	21,33



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

01 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trong giai đoạn 2024–2025 cho thấy doanh nghiệp duy trì năng lực thanh toán ở mức rất tốt, dù có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2025. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 4,65 lần xuống 4,21 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 3,42 lần xuống 3,06 lần. Sự sụt giảm này chủ yếu xuất phát từ việc nợ ngắn hạn tăng mạnh trong kỳ, trong đó các khoản phải trả người bán và khoản phải trả người lao động gia tăng đáng kể, làm cho quy mô nghĩa vụ ngắn hạn tăng nhanh hơn so với tài sản ngắn hạn. Việc gia tăng các khoản phải trả người bán có thể phản ánh nhu cầu mua sắm thiết bị, dịch vụ và hạ tầng công nghệ phục vụ triển khai các dự án viễn thông và giải pháp công nghệ thông tin, vốn là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty. Đồng thời, khoản phải trả người lao động tăng lên cho thấy doanh nghiệp gia tăng quy mô nhân sự kỹ thuật và vận hành nhằm đáp ứng khối lượng công việc và các dự án triển khai cho khách hàng doanh nghiệp và khu công nghiệp. Bên cạnh đó, việc tận dụng tín dụng thương mại từ nhà cung cấp cũng là một biện pháp quản trị vốn lưu động phổ biến, giúp doanh nghiệp tối ưu dòng tiền trong quá trình triển khai dự án. Mặc dù các hệ số thanh khoản có xu hướng giảm, các chỉ tiêu này vẫn duy trì ở mức cao hơn đáng kể so với ngưỡng an toàn thông thường, cho thấy Công ty vẫn đang sở hữu nền tảng thanh khoản vững chắc và khả năng đáp ứng tốt các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, đồng thời phản ánh xu hướng mở rộng hoạt động kinh doanh và gia tăng quy mô vận hành trong kỳ.

02 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Bảng chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trong giai đoạn 2024–2025 cho thấy doanh nghiệp có xu hướng gia tăng mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính, tuy nhiên tổng thể vẫn duy trì cơ cấu nguồn vốn thận trọng và an toàn. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 17,73% năm 2024 lên 20,02% năm 2025, trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 21,56% lên 25,03%. Sự gia tăng của các chỉ tiêu này cho thấy doanh nghiệp đã tăng cường sử dụng và các khoản nợ phải trả để tài trợ cho hoạt động kinh doanh và mở rộng quy mô hoạt động. Điều này có thể liên quan đến việc gia tăng các khoản phải trả người bán, chi phí nhân sự và các nghĩa vụ ngắn hạn phát sinh trong quá trình triển khai các dự án công nghệ, viễn thông và hạ tầng ICT cho khách hàng doanh nghiệp và khu công nghiệp – những lĩnh vực hoạt động chính của Công ty. Tuy vậy, với tỷ lệ nợ chỉ chiếm khoảng 20% tổng tài sản và khoảng 25% so với vốn chủ sở hữu, mức đòn bẩy tài chính của Công ty vẫn ở mức thấp so với nhiều doanh nghiệp trong ngành công nghệ và hạ tầng, cho thấy doanh nghiệp chủ yếu vẫn dựa vào nguồn vốn chủ sở hữu để tài trợ cho hoạt động. Cơ cấu vốn này giúp Công ty duy trì mức độ rủi ro tài chính thấp, khả năng tự chủ tài chính cao, đồng thời vẫn còn dư địa để huy động thêm vốn vay trong tương lai khi cần mở rộng đầu tư hoặc triển khai các dự án quy mô lớn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong giai đoạn 2024-2025, hiệu quả khai thác và sử dụng tài sản của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam nhìn chung có sự cải thiện, thể hiện qua các chỉ tiêu về năng lực hoạt động. Cụ thể, vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,65 vòng năm 2024 lên 0,69 vòng năm 2025, tương ứng tăng khoảng 6,15%, cho thấy doanh nghiệp đã nâng cao khả năng sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu. Kết quả này phản ánh các nguồn lực đầu tư vào hạ tầng công nghệ, thiết bị viễn thông và hệ thống kỹ thuật đang được khai thác hiệu quả hơn trong quá trình cung cấp các giải pháp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông cho khách hàng doanh nghiệp.

Ở chiều ngược lại, vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ 2,48 vòng xuống 2,42 vòng, tương ứng giảm khoảng 2,82%, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho có phần chậm lại trong năm 2025. Nguyên nhân có thể đến từ việc doanh nghiệp tăng dự trữ thiết bị, vật tư công nghệ và linh kiện phục vụ các dự án triển khai hạ tầng mạng, trung tâm dữ liệu hoặc hệ thống công nghệ thông tin, nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dịch vụ và đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, mức biến động của chỉ tiêu này không lớn và nhìn chung vẫn phản ánh khả năng quản lý hàng tồn kho ổn định. Tổng thể, các chỉ tiêu trên cho thấy doanh nghiệp đang từng bước cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản, đồng thời chủ động chuẩn bị nguồn vật tư và thiết bị phục vụ cho hoạt động triển khai dự án và mở rộng kinh doanh.

04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Bức tranh về khả năng sinh lời của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trong giai đoạn 2024-2025 cho thấy xu hướng cải thiện đồng đều ở hầu hết các chỉ tiêu, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đang được nâng lên. Trước hết, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) tăng từ 16,93% năm 2024 lên 17,32% năm 2025, cho thấy doanh nghiệp tiếp tục duy trì biên lợi nhuận ổn định và kiểm soát tốt chi phí trong quá trình cung cấp dịch vụ.

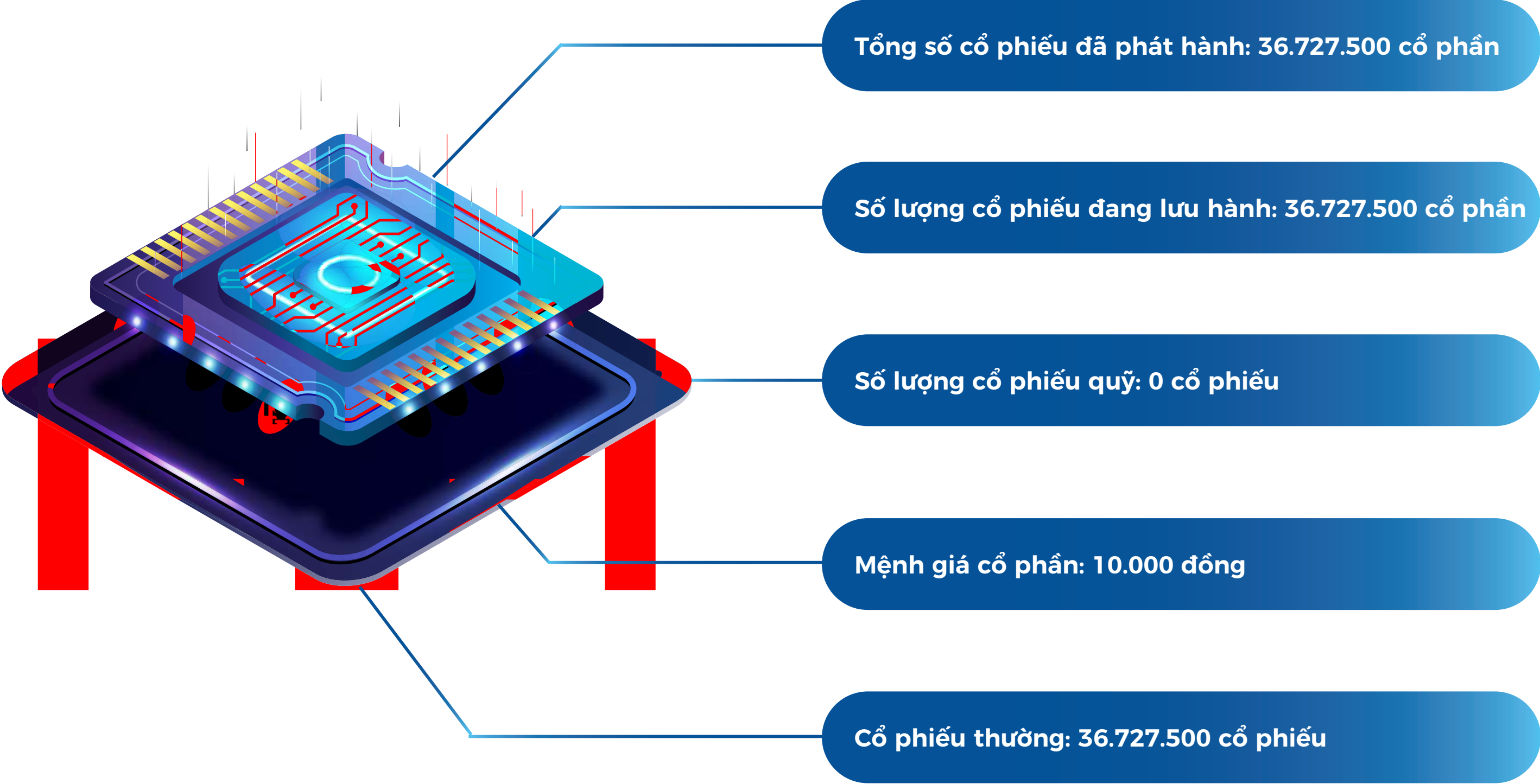
Song song đó, hiệu quả sử dụng nguồn vốn cũng được cải thiện rõ rệt khi tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng từ 13,30% lên 14,81%. Điều này cho thấy mỗi đồng vốn của cổ đông đang tạo ra giá trị lợi nhuận cao hơn so với năm trước. Tương tự, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) tăng từ 11,05% lên 12,01%, phản ánh việc doanh nghiệp đang khai thác và sử dụng tổng tài sản ngày càng hiệu quả trong quá trình tạo ra lợi nhuận. Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần cũng tăng từ 20,49% lên 21,33%, cho thấy hiệu quả của hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục được cải thiện.

Những kết quả này có thể đến từ việc doanh nghiệp tiếp tục mở rộng cung cấp các giải pháp viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin và dịch vụ số cho khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu chuyển đổi số và phát triển hạ tầng công nghệ tại các khu công nghiệp và khu đô thị ngày càng gia tăng. Đồng thời, việc tận dụng lợi thế về hạ tầng viễn thông và hệ sinh thái khách hàng sẵn có cũng giúp Công ty duy trì biên lợi nhuận tương đối cao và ổn định. Nhìn chung, sự cải thiện của các chỉ tiêu sinh lời cho thấy năng lực tạo lợi nhuận của doanh nghiệp đang được củng cố, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả tài chính và giá trị cho cổ đông trong giai đoạn gần đây.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông

Tại ngày: 19/06/2025

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cơ cấu cổ đông lớn và cổ đông nhỏ			
	Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% tỷ lệ sở hữu	3	22.480.310	61,21%
	Cổ đông nhỏ	3.270	14.247.190	38,79%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
	Cổ đông là tổ chức	10	25.021.887	68,13%
	Cổ đông cá nhân	3.263	11.705.613	31,87%
3	Cơ cấu cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
	Cổ đông trong nước	3.243	36.638.210	99,76%
	Cổ đông nước ngoài	30	89.290	0,24%
4	Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác			
	Cổ đông Nhà nước	2	19.844.600	54,03%
	Các cổ đông khác	3.271	16.882.900	45,97%
	Tổng cộng	3.273	36.727.500	100,00%

Cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	Tầng 10, tòa nhà mPlaza Saigon Số 39 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.844.600	48,59%
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	Tòa nhà VNPT, 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, Hà Nội	2.000.000	5,45%
Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Kinh Tế Hiện Đại Vi-nacapital	Lầu 17, Tòa nhà Sunwah 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn	2.635.710	7,18%
Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tiếp Cận Thị Trường Vinacapital	Lầu 17, Tòa nhà Sunwah 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn		
Tổng cộng		22.480.310	61,22%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi trong năm 2025

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

VNTT hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, không triển khai hoạt động sản xuất trực tiếp. Vì vậy, phát thải khí nhà kính phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Công ty ở mức không đáng kể, chủ yếu liên quan đến tiêu thụ điện năng và vận hành thiết bị phục vụ hoạt động văn phòng/hạ tầng kỹ thuật.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Do hiện tại không ghi nhận phát thải khí nhà kính ở mức đáng kể trong hoạt động kinh doanh, VNTT chưa triển khai các sáng kiến hay biện pháp giảm phát thải chuyên biệt. Tuy nhiên, Công ty cam kết thường xuyên theo dõi và rà soát các hoạt động vận hành; đồng thời sẽ chủ động đánh giá, cân nhắc triển khai những giải pháp phù hợp nếu trong tương lai phát sinh thay đổi có thể làm gia tăng phát thải khí nhà kính.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính trong năm:

VNTT là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, với mô hình kinh doanh tập trung vào các giải pháp và dịch vụ kỹ thuật số. Do đó, Công ty không thực hiện hoạt động sản xuất hoặc đóng gói sản phẩm vật lý theo phương thức truyền thống. Vì vậy, VNTT không phát sinh nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu thô cơ bản trong quy trình “sản xuất” và “đóng gói” đối với các dịch vụ chính của mình.

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Do đặc thù hoạt động không bao gồm sản xuất và đóng gói sản phẩm hữu hình, VNTT hiện không phát sinh nhu cầu sử dụng vật liệu tái chế trong các công đoạn này. Dù vậy, Công ty vẫn định hướng lồng ghép nguyên tắc sử dụng tài nguyên bền vững vào vận hành thường ngày và đang triển khai/đánh giá một số nội dung trọng tâm như sau:

- Ưu tiên vật tư văn phòng thân thiện môi trường: VNTT khuyến khích lựa chọn giấy, văn phòng phẩm và vật tư tiêu hao có nguồn gốc bền vững hoặc có tỷ lệ thành phần tái chế, nhằm giảm thiểu việc tiêu thụ tài nguyên nguyên sinh.
- Quản trị rác thải điện tử theo hướng có trách nhiệm: Đối với thiết bị ICT hết vòng đời, VNTT áp dụng quy trình phân loại, thu hồi và bàn giao cho các đơn vị xử lý chuyên nghiệp; bảo đảm tuân thủ quy định môi trường, đồng thời thúc đẩy hoạt động tái sử dụng/tái chế thông qua đối tác phù hợp.
- Lựa chọn nhà cung cấp có cam kết phát triển bền vững: Trong hoạt động mua sắm, VNTT ưu tiên các nhà cung cấp minh bạch về tiêu chuẩn môi trường, có chính sách quản lý vòng đời sản phẩm và chủ động sử dụng vật liệu tái chế trong thiết kế, sản xuất hoặc cung ứng.

Mặc dù không trực tiếp tiêu thụ vật liệu tái chế cho hoạt động “sản xuất – đóng gói” dịch vụ cốt lõi, VNTT vẫn cam kết quản lý nguồn lực hiệu quả, giảm thiểu tác động môi trường và thúc đẩy thực hành bền vững trong toàn bộ hoạt động của Công ty.



Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Tại ngày 31/12/2025

STT	Nguồn tiêu thụ	Điện EVN (2025)
1	DC VNTT	4.251.437
2	KHO PHÚ CHÁNH	9.718
3	POP VSIP2	48.001
4	POP BÀU BÀNG	31.589
5	Nhà ở An sinh xã hội ĐỊNH HÒA	10.331
6	POP MỸ PHƯỚC 2	35.164
7	POP MỸ PHƯỚC 3	54.912
8	E2526	9.593
9	POP VSIP2A	21.386
10	Trạm BTS BÀU BÀNG	36.190
11	POP BÌNH PHƯỚC	23.801
12	POP VSIP NGHỆ AN	39.201
13	POP BÌNH ĐỊNH	5.544

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: ĐVT: m³

STT	Nguồn tiêu thụ	Khối lượng Tổng (2025)
1	DC	881
2	POP MỸ PHƯỚC 2	179
3	POP MỸ PHƯỚC 3	298
4	KHO PHÚ CHÁNH	163
5	POP VSIP2A	130
6	E2526	129

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

Hoạt động đào tạo người lao động

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

STT	Nội dung đào tạo	Phòng ban	Thời gian đào tạo		Số lượng học viên
			Từ ngày	Đến ngày	
1	Quản trị tinh gọn hệ thống	Ban Điều hành	07/08/2025	11/09/2025	1
2	Bồi dưỡng kiến thức Holdings Company và Tái cấu trúc	HĐQT	09/08/2025		2
3	Bồi dưỡng Pháp lý chuyên sâu dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp	HĐQT, BKS, BĐH, Pháp chế	17/08/2025	07/09/2025	-
4	Nâng cao nghiệp vụ thư ký Công ty	Người phụ trách QTCT	22/08/2025		1
5	Chương trình Quản trị Công ty	HĐQT	18/09/2025	19/09/2025	3



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty VNTT luôn xác định trách nhiệm với cộng đồng địa phương là một trong những mục tiêu chiến lược cốt lõi, được quy định rõ trong Điều lệ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm và đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước.. Trong năm 2025, Công ty đã đầu tư 10,7 tỷ đồng để phát triển hạ tầng viễn thông tại các khu công nghiệp và khu dân cư, tiêu biểu như việc thi công hệ thống chiếu sáng và cấp điện tại dự án Green City, hạ tầng viễn thông tại khu tái định cư Hòa Lợi và cấp nguồn cho chung cư cao tầng tại Định Hòa,.. Bên cạnh đó, VNTT còn trực tiếp cải thiện tiện ích công cộng thông qua việc bảo trì hệ thống chiếu sáng đường DT746, lắp đặt đèn tín hiệu giao thông tại đường Bùi Thị Xuân và duy trì hệ thống CCTV an ninh tại các khu vực Mỹ Phước, Bàu Bàng.. Công tác hỗ trợ y tế và giáo dục cũng được chú trọng thông qua các hợp đồng bảo trì hạ tầng cơ điện cho Bệnh viện Quốc tế Becamex và thi công cải tạo tại Trường Đại học Quốc tế Miền Đông.. Song song với việc triển khai các giải pháp đô thị thông minh tại TP. Hồ Chí Minh, Côn Đảo và Vân Đồn, Công ty còn coi trọng việc quản lý nước thải như một “huyết mạch của ổn định xã hội” để bảo vệ môi trường địa phương.. Đặc biệt, thông qua các hoạt động của Công đoàn, VNTT thường xuyên chăm lo đời sống cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, trao tặng học bổng và quà Tết, thể hiện tinh thần tương thân tương ái với cộng đồng sở tại. Bước sang năm 2026, Hội đồng quản trị cam kết sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động này để tạo dựng giá trị bền vững cho cả doanh nghiệp và xã hội.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, VNTT chưa triển khai các hoạt động huy động vốn thông qua thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty luôn dành sự quan tâm và thường xuyên cập nhật xu hướng, chính sách cũng như các chuyển động mới trong lĩnh vực này. VNTT kỳ vọng có thêm cơ hội tiếp cận thông tin và nâng cao hiểu biết thông qua các hội thảo, chương trình chuyên đề và sự kiện do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng các cơ quan quản lý liên quan tổ chức.

Trong thời gian tới, VNTT định hướng tiếp tục nghiên cứu khả năng phát hành trái phiếu xanh như một cấu phần trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Song song đó, VNTT cam kết chủ động chuẩn bị và từng bước hoàn thiện các điều kiện cần thiết, bao gồm cơ chế nội bộ, nền tảng hạ tầng và năng lực triển khai, nhằm tạo tiền đề thuận lợi cho các hoạt động đầu tư xanh, đồng thời đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển bền vững chung.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

80	Bối cảnh chung
82	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
85	Tình hình tài chính
87	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
88	Chỉ tiêu thực hiện năm 2026
89	Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
90	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



BỐI CẢNH CHUNG

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi trong bối cảnh vẫn tồn tại nhiều yếu tố bất định. Hoạt động thương mại toàn cầu duy trì xu hướng cải thiện, áp lực lạm phát tại nhiều nền kinh tế lớn giảm dần, điều kiện tài chính từng bước ổn định hơn và thị trường lao động có chuyển biến tích cực, qua đó tạo nền tảng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, dù vẫn tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến biến động địa chính trị và cấu trúc chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2025 duy trì đà tăng trưởng ổn định, các cân đối vĩ mô được kiểm soát hiệu quả, lạm phát nằm trong ngưỡng mục tiêu và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp tục được củng cố. Tăng trưởng GDP đạt khoảng 7,3%, tăng trưởng tín dụng đạt 14,8%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tăng 10,5%, phản ánh sức hấp dẫn bền vững của môi trường đầu tư cũng như năng lực nội tại của nền kinh tế. Trên nền tảng những chuyển biến tích cực của kinh tế thế giới và trong nước, cùng với sự điều hành linh hoạt và chủ động của Ban Lãnh đạo trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường và quản trị tài chính, VNTT đã tận dụng hiệu quả các cơ hội tăng trưởng; đồng thời, sự đồng lòng, chuyên nghiệp và nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên đã góp phần quan trọng giúp hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2025 của Công ty đạt được những kết quả tích cực, tạo tiền đề vững chắc cho định hướng phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

Thuận lợi

- Tăng trưởng và quy mô năm 2025
 - Số lượng khách hàng doanh nghiệp (“KHDN”): tăng trưởng 11,8%, tương đương tăng lũy tiến 206 khách hàng, nâng tổng số lượng KHDN đến cuối năm 2025 là 1.951 khách hàng.
 - Số lượng khách hàng cá nhân (“KHCCN”): tăng trưởng 16,3%, tương đương tăng lũy tiến 3.304 khách hàng, nâng tổng số lượng KHCCN đến cuối năm 2025 là 23.603 khách hàng.
 - Số lượng thuê bao: tăng trưởng 19,7%, tương đương tăng lũy tiến 5.918 thuê bao, nâng tổng số lượng thuê bao DVVT đến cuối năm 2025 là 35.909 thuê bao.
- Vietnam Smart City Award 2025: VNTT được vinh danh với nền tảng Digital Twin phục vụ quản lý đô thị thông minh, hỗ trợ chính quyền trong quy hoạch và vận hành thành phố thông minh.
- 27/06/2025: VNTT phối hợp tổ chức sự kiện “Smart Factory & Industrial Park Management” tại Thành phố mới Bình Dương, thu hút đông đảo doanh nghiệp sản xuất và quản lý khu công nghiệp tham dự.
- 27/08/2025: VNTT ký MOU với SmarterBuild Inc. (Hàn Quốc) tại Automation World Vietnam 2025 nhằm hợp tác phát triển các dự án Smart City và Smart Industry tại Việt Nam và Hàn Quốc.
- 28/08/2025: VNTT ký MOU với Hiệp hội Công nghiệp Machine Vision Hàn Quốc (KMVIA), thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực thị giác máy, sản xuất thông minh và chuyển đổi số.

Khó khăn

- Thị trường viễn thông và công nghệ thông tin tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt.
- Nhu cầu phục hồi nền kinh tế sau đại dịch của các quốc gia khiến cho tình trạng lạm phát gia tăng dẫn đến nhiều khó khăn trong hoạt động thương mại.
- Việc mở rộng thị trường tìm kiếm khách hàng mới nhiều khó khăn do đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin nhiều và mạnh.
- Sự khan hiếm nguồn nhân lực công nghệ thông tin “chất lượng cao” tiếp tục tiếp diễn do nguồn nhân lực chưa phát triển đủ để đáp ứng với xu thế phát triển của công nghệ mới.
- Tình hình tài chính, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất và chính sách vay vốn của ngân hàng có nhiều biến động.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả kinh doanh riêng VNTT

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	% Thay đổi so 2024	Kế hoạch 2025	TH/KH 2025
Tổng doanh thu	428.877	365.219	17,43%	410.000	104,60%
Tổng chi phí	338.321	289.697	16,78%	330.000	102,52%
Lợi nhuận trước thuế	90.556	75.522	19,91%	80.000	113,20%
Lợi nhuận sau thuế	72.410	60.406	19,87%	64.000	113,14%



LỢI NHUẬN SAU THUẾ RIÊNG 2025

72.410 Triệu đồng

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam cho thấy sự tăng trưởng tích cực so với năm 2024 và đồng thời vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 428.877 triệu đồng, tăng 17,43% so với năm 2024 và hoàn thành 104,60% kế hoạch năm, phản ánh nhu cầu đối với các dịch vụ viễn thông, hạ tầng công nghệ và giải pháp số của doanh nghiệp tiếp tục gia tăng. Song song với sự mở rộng hoạt động, tổng chi phí trong năm 2025 đạt 338.321 triệu đồng, tăng 16,78% so với năm trước và tương đương 102,52% kế hoạch, mức tăng này nhìn chung phù hợp với xu hướng gia tăng doanh thu và quy mô triển khai các dự án công nghệ.

Nhờ doanh thu tăng trưởng tốt và khả năng kiểm soát chi phí tương đối hiệu quả, lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 90.556 triệu đồng, tăng 19,91% so với năm 2024 và vượt 13,20% kế hoạch. Tương tự, lợi nhuận sau thuế đạt 72.410 triệu đồng, tăng 19,87% so với năm trước và hoàn thành 113,14% kế hoạch năm. Việc lợi nhuận tăng trưởng với tốc độ cao hơn doanh thu cho thấy doanh nghiệp không chỉ mở rộng quy mô hoạt động mà còn cải thiện hiệu quả kinh doanh và tối ưu chi phí trong quá trình cung cấp các dịch vụ công nghệ, viễn thông và giải pháp số cho khách hàng doanh nghiệp. Nhìn chung, các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2025 phản ánh xu hướng tăng trưởng ổn định, khả năng hoàn thành và vượt kế hoạch tốt, đồng thời cho thấy nền tảng hoạt động của doanh nghiệp đang được củng cố trong bối cảnh nhu cầu chuyển đổi số và phát triển hạ tầng công nghệ tiếp tục gia tăng.

Kết quả kinh doanh hợp nhất VNTT

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024	% Thay đổi so 2024	Kế hoạch 2025	TH/KH 2025
Tổng doanh thu	430.093	369.035	16,55%	412.500	104,26%
Tổng chi phí	339.320	293.030	15,80%	332.500	102,05%
Lợi nhuận trước thuế	90.773	76.005	19,43%	80.000	113,47%
Lợi nhuận sau thuế	72.589	61.075	18,85%	64.000	113,42%



LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT 2025

72.589 Triệu đồng

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025 của VNTT tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực so với năm 2024 và đồng thời vượt kế hoạch đề ra, cho thấy hiệu quả hoạt động chung của toàn hệ thống doanh nghiệp được cải thiện. Cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất đạt 430.093 triệu đồng, tăng 16,55% so với năm 2024 và hoàn thành 104,26% kế hoạch năm, phản ánh sự mở rộng hoạt động kinh doanh cũng như nhu cầu đối với các dịch vụ viễn thông, hạ tầng công nghệ và giải pháp số của doanh nghiệp tiếp tục gia tăng. Cùng với đó, tổng chi phí đạt 339.320 triệu đồng, tăng 15,80% so với năm trước và tương đương 102,05% kế hoạch, mức tăng này nhìn chung phù hợp với xu hướng gia tăng doanh thu và quy mô triển khai các dự án công nghệ.

Nhờ doanh thu tăng trưởng tốt và việc kiểm soát chi phí tương đối hiệu quả, lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025 đạt 90.773 triệu đồng, tăng 19,43% so với năm 2024 và vượt 13,47% kế hoạch. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 72.589 triệu đồng, tăng 18,85% so với năm trước và hoàn thành 113,42% kế hoạch năm. Việc lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng ở mức cao cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được cải thiện, đồng thời phản ánh khả năng khai thác tốt các nguồn lực và lợi thế sẵn có trong lĩnh vực viễn thông, hạ tầng công nghệ và cung cấp giải pháp số cho khách hàng doanh nghiệp. Nhìn chung, kết quả hợp nhất năm 2025 cho thấy doanh nghiệp duy trì đà tăng trưởng ổn định, hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, góp phần củng cố nền tảng tài chính và tạo tiền đề cho việc mở rộng hoạt động trong các giai đoạn tiếp theo.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tốc độ tăng trưởng và kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu theo nhóm ngành

- Doanh thu dịch vụ viễn thông (“DVVT”): 228,8 tỷ đồng, bằng 114,7% so năm 2024, thực hiện 109,0% kế hoạch;
- Doanh thu dịch vụ datacenter (“DVDC”): 48,5 tỷ đồng, bằng 98,9% so năm 2024, thực hiện 101,1% kế hoạch;
- Thị công vận hành điện, điện tử, hạ tầng viễn thông, bán lẻ thiết bị: 93,7 tỷ đồng, bằng 109,5% so năm 2024, thực hiện 98,1% kế hoạch;
- Doanh thu dịch vụ Giải pháp thông minh: 47,2 tỷ đồng, bằng 1.293,6% so năm 2024, thực hiện 118,0% kế hoạch.

Cơ cấu doanh thu năm 2025

- DVVT: 53%
- DVDC: 11%
- Thị công vận hành bảo trì, bán lẻ: 22%
- Giải pháp thông minh: 11%
- Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác: 3%

Chi phí năm 2025

Tổng chi phí cả năm là 338,3 tỷ đồng, bằng 116,8% so năm 2024, thực hiện 102,5% kế hoạch. Cơ cấu chi phí năm 2025 bao gồm 86% là giá vốn, 13,9% là chi phí bán hàng và quản lý, chi phí khác phát sinh không đáng kể, không phát sinh chi phí lãi vay trong năm 2025.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%Thay đổi	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Tài sản ngắn hạn	421.183	476.591	13,16%	73,00%	75,39%
Tài sản dài hạn	155.785	155.590	-0,13%	27,00%	24,61%
Tổng tài sản	576.968	632.181	9,57%	100,00%	100,00%

TỔNG TÀI SẢN 2025

632.181 Triệu đồng



Quy mô tài sản của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trong giai đoạn 2024-2025 tiếp tục ghi nhận sự gia tăng đáng kể, phản ánh việc doanh nghiệp mở rộng nguồn lực phục vụ hoạt động kinh doanh. Cụ thể, tổng tài sản năm 2025 đạt 632.181 triệu đồng, tăng 9,57% so với mức 576.968 triệu đồng của năm 2024.

Đáng chú ý, tài sản ngắn hạn tăng từ 421.183 triệu đồng lên 476.591 triệu đồng, tương ứng tăng 13,16%, đồng thời tỷ trọng trong tổng tài sản cũng tăng từ 73,00% lên 75,39%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự gia tăng của khoản tiền và các khoản tương đương tiền, cho thấy doanh nghiệp đang duy trì lượng tiền mặt và tài sản có tính thanh khoản cao ở mức lớn hơn so với năm trước. Điều này có thể xuất phát từ việc dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được cải thiện nhờ doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng, đồng thời doanh nghiệp có xu hướng tăng cường tích lũy nguồn tiền để phục vụ nhu cầu vốn lưu động, thanh toán chi phí triển khai dự án và đầu tư vào các hoạt động công nghệ

trong thời gian tới. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và giải pháp công nghệ, việc duy trì mức tiền và tương đương tiền cao cũng giúp tăng tính chủ động trong việc mua sắm thiết bị, triển khai hạ tầng và đáp ứng nhanh các yêu cầu dự án từ khách hàng doanh nghiệp và khu công nghiệp.

Trong khi đó, tài sản dài hạn ghi nhận mức giảm nhẹ từ 155.785 triệu đồng xuống 155.590 triệu đồng, tương ứng giảm 0,13%, khiến tỷ trọng tài sản dài hạn trong tổng tài sản giảm từ 27,00% xuống 24,61%. Sự biến động này cho thấy trong năm 2025 doanh nghiệp không phát sinh nhiều khoản đầu tư dài hạn mới hoặc giá trị khấu hao tài sản cố định phát sinh trong kỳ lớn hơn giá trị đầu tư bổ sung.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của doanh nghiệp tiếp tục tập trung vào tài sản ngắn hạn với mức thanh khoản cao, phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ và viễn thông, đồng thời phản ánh khả năng tạo dòng tiền và năng lực tài chính của doanh nghiệp đang được củng cố trong năm 2025.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	%Thay đổi	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Nợ ngắn hạn	90.594	113.167	24,92%	88,55%	89,41%
Nợ dài hạn	11.720	13.404	14,37%	11,46%	10,59%
Tổng nợ phải trả	102.313	126.571	23,71%	100,00%	100%

NỢ PHẢI TRẢ 2025

126.571 Triệu đồng



Cơ cấu nợ phải trả của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trong giai đoạn 2024-2025 cho thấy quy mô nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp gia tăng cùng với sự mở rộng hoạt động kinh doanh, tuy nhiên cơ cấu nợ vẫn duy trì chủ yếu ở nợ ngắn hạn. Cụ thể, tổng nợ phải trả năm 2025 đạt 126.571 triệu đồng, tăng 23,71% so với mức 102.313 triệu đồng của năm 2024. Mức tăng này phản ánh việc doanh nghiệp gia tăng các khoản nghĩa vụ tài chính trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh và mở rộng quy mô cung cấp dịch vụ công nghệ, viễn thông.

Trong đó, nợ ngắn hạn tăng từ 90.594 triệu đồng lên 113.167 triệu đồng, tương ứng tăng 24,92%, đồng thời chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải trả (từ 88,55% năm 2024 lên 89,41% năm 2025). Sự gia tăng này có thể đến từ các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động và các nghĩa vụ ngắn hạn phát sinh trong quá trình triển khai các dự án công nghệ và hạ tầng viễn thông, khi doanh nghiệp mở rộng hoạt động và gia tăng khối lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp và khu công nghiệp. Việc sử dụng các

khoản nợ ngắn hạn, đặc biệt là tín dụng thương mại từ nhà cung cấp, cũng là một hình thức tối ưu vốn lưu động, giúp doanh nghiệp linh hoạt trong việc quản lý dòng tiền.

Trong khi đó, nợ dài hạn tăng từ 11.720 triệu đồng lên 13.404 triệu đồng, tương ứng tăng 14,37%, tuy nhiên tỷ trọng trong tổng nợ phải trả lại giảm nhẹ từ 11,46% xuống 10,59%. Điều này cho thấy doanh nghiệp không phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay dài hạn, đồng thời cơ cấu nợ vẫn duy trì ở mức khá thận trọng. Nhìn chung, mặc dù tổng nợ phải trả có xu hướng tăng trong năm 2025, cơ cấu nợ của doanh nghiệp vẫn tập trung chủ yếu ở các nghĩa vụ ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh, trong khi tỷ lệ nợ dài hạn ở mức thấp, qua đó phản ánh mức độ rủi ro tài chính tương đối thấp và khả năng tự chủ tài chính của doanh nghiệp vẫn được đảm bảo.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Đối với chính sách tuyển dụng:

Do vị trí hoạt động cách xa khu vực trung tâm, công tác tuyển dụng của VNTT gặp không ít thách thức trong việc tiếp cận và thu hút ứng viên. Trước thực tế đó, Phòng Hành chính – Nhân sự đã chủ động triển khai phương án cải tiến theo hướng tiếp cận đa kênh, linh hoạt và có trọng tâm.

Bên cạnh việc khai thác hiệu quả các kênh trực tuyến như nền tảng tuyển dụng, mạng xã hội và website Công ty, VNTT còn đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng trực tiếp thông qua việc tham gia thường xuyên các ngày hội việc làm và chương trình tuyển sinh tại các trường đại học. Cách tiếp cận này giúp mở rộng tệp ứng viên tiềm năng, tăng mức độ nhận diện thương hiệu tuyển dụng và thể hiện cam kết thu hút nhân sự chất lượng, bất chấp những hạn chế về yếu tố địa lý.

Đối với chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua chương trình đào tạo toàn diện:

Trong năm 2025, VNTT đã cho thấy sự đầu tư mạnh mẽ vào việc phát triển nguồn nhân lực thông qua một chương trình đào tạo đa dạng và chuyên nghiệp. Phòng Hành chính nhân sự đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nội bộ để tổ chức thành công nhiều khóa đào tạo thuê ngoài.

Tổng số giờ đào tạo trong 2025 (bao gồm tất cả các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài): 2.988 giờ.

Trong đó:

- Cấp lãnh đạo (D): 156 giờ
- Cấp quản lý (M): 374 giờ
- Quản lý cấp trung (TL): 399 giờ
- Cấp nhân viên (SE, E, O, S): 1951 giờ
- Thực tập sinh: 108 giờ

Đối với chính sách đầu tư vào thế hệ tương lai thông qua chương trình thực tập chuyên nghiệp:

VNTT đã thiết kế và triển khai chương trình thực tập theo hướng bài bản, có lộ trình rõ ràng, tạo điều kiện để sinh viên từ nhiều trường đại học uy tín như Đại học Bách khoa TP.HCM, Đại học Quốc tế Miền Đông, Đại học Quốc tế Việt Đức, Đại học Kinh tế – Luật TP.HCM và các cơ sở đào tạo khác được tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại Công ty. Thực tập sinh được phân bổ về các đơn vị chuyên môn như Nghiên cứu và Phát triển (R&D), Triển khai Giải pháp và Hành chính – Nhân sự, qua đó có cơ hội quan sát, học hỏi và tham gia trực tiếp vào quy trình vận hành của doanh nghiệp.

Bên cạnh chính sách hỗ trợ phù hợp, VNTT chú trọng chất lượng trải nghiệm bằng cách tạo điều kiện để thực tập sinh tham gia các dự án thực tế, được hướng dẫn theo nhiệm vụ cụ thể, rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nâng cao tư duy làm việc và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Nhờ đó, sinh viên có thể xây dựng nền tảng vững chắc trước khi bước vào thị trường lao động.

Chương trình thực tập không chỉ đáp ứng nhu cầu đào tạo – trải nghiệm cho sinh viên mà còn thể hiện tầm nhìn dài hạn của VNTT trong việc ươm tạo và phát triển nguồn nhân lực trẻ, đóng góp cho sự phát triển bền vững của Công ty và của ngành.



CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KQKD RIỀNG 2025	KQKD HỢP NHẤT 2025	Riêng		Hợp nhất	
				KH 2026	%KH/TH	KH 2026	%KH/TH
1	Tổng doanh thu	428.877	430.093	550.000	128,24%	551.000	128,11%
a	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh	418.263	419.149	546.000	130,54%	546.800	130,45%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	8.769	9.099	3.800	43,33%	4.000	43,96%
c	Thu nhập khác	1.845	1.845	200	10,84%	200	10,84%
2	Tổng chi phí	338.321	339.320	455.000	134,49%	456.000	134,39%
a	Giá vốn hàng bán	290.877	291.918	403.500	138,72%	403.900	138,36%
b	Chi phí bán hàng	18.006	18.026	19.500	108,30%	19.600	107,73%
c	Chi phí quản lý	28.985	28.878	32.000	110,40%	32.500	112,54%
d	Chi phí tài chính	(35)	9,61	0	0,00%	0	0,00%
e	Chi phí khác	489	489	0	0,00%	0	0,00%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	89.200	89.416	94.800	106,28%	94.800	106,02%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	90.556	90.773	95.000	104,91%	95.000	104,66%
5	Thuế TNDN	18.146	18.184	19.000	104,71%	19.000	104,49%
6	Lợi nhuận sau thuế	72.410	72.589	76.000	104,96%	76.000	104,70%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

VNTT hiểu rằng bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của các cá nhân hay tổ chức mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Là một thành viên trong cộng đồng, VNTT luôn ý thức và thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường:

- Đề xuất các giải pháp nhằm ngăn ngừa, xử lý nước thải và khắc phục sự cố môi trường; tự giác quản lý việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, bảo đảm an toàn cho môi trường và sức khỏe cộng đồng.
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên như nước sạch và năng lượng.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên; tư vấn và định hướng khách hàng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.
- Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về bảo vệ môi trường; mức tiêu thụ nước và điện ở mức vừa phải; các loại phát thải chủ yếu là phát thải thông thường và ở mức không đáng kể.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

VNTT luôn trân trọng sự đồng hành, ủng hộ và niềm tin của cộng đồng, xem đây là nền tảng quan trọng tạo động lực cho định hướng phát triển bền vững của Công ty. Trên tinh thần trách nhiệm xã hội, VNTT tích cực tham gia và đồng hành cùng các chương trình vì cộng đồng, góp phần hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, tạo thêm điều kiện để họ ổn định cuộc sống và từng bước vươn lên.

Thông qua việc chia sẻ các giá trị cả về vật chất lẫn tinh thần với địa phương, VNTT triển khai nhiều hoạt động thiện nguyện thiết thực như vận động quyên góp, hỗ trợ người nghèo và chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, qua đó lan tỏa tinh thần sẻ chia và đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tại VNTT, nguồn nhân lực được xác định là tài sản chiến lược và là yếu tố then chốt trong định hướng phát triển bền vững của Công ty. VNTT cam kết xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực và hiệu quả, bảo đảm mỗi cá nhân được tôn trọng, được tạo điều kiện phát triển năng lực và phát huy tối đa tiềm năng, qua đó đóng góp thiết thực vào thành công chung của Công ty. Cam kết này được cụ thể hóa thông qua các nội dung sau:

- Bảo đảm quyền lợi theo quy định: Người lao động được hưởng đầy đủ chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo đúng quy định của pháp luật.
- Kiến tạo môi trường làm việc toàn diện: VNTT chú trọng xây dựng không gian làm việc an toàn, xanh – sạch – đẹp; đồng thời duy trì sự ổn định trong công việc và quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.
- Chính sách đãi ngộ cạnh tranh, minh bạch: Công ty triển khai cơ chế lương thưởng và phúc lợi rõ ràng, công bằng, gắn với vị trí công việc, năng lực và mức độ đóng góp của từng cá nhân; qua đó tạo động lực làm việc và nâng cao khả năng thu hút, giữ chân nhân sự chất lượng.
- Chăm sóc sức khỏe và phúc lợi tinh thần: VNTT tổ chức khám sức khỏe định kỳ và triển khai các hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng phù hợp nhằm hỗ trợ người lao động tái tạo sức lao động, tăng cường gắn kết nội bộ và nâng cao hiệu quả làm việc.
- Thực hiện trách nhiệm xã hội: Hằng năm, Công ty tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ và trao quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vào các dịp trọng điểm như Tết Nguyên đán và Tết Trung thu, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần sẻ chia.
- Tuân thủ an toàn, vệ sinh lao động: VNTT thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp; bảo đảm chi trả tiền lương đầy đủ, đúng hạn; đồng thời duy trì cam kết không để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình hoạt động.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

94	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
94	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
95	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HĐQT đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt Công ty vượt qua giai đoạn đầy thử thách của năm 2025. Với tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm cao, HĐQT đã đưa ra những chủ trương, nghị quyết kịp thời, phù hợp với tình hình biến động của thị trường. HĐQT cũng thường xuyên theo dõi, giám sát hoạt động của Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành để đảm bảo công tác quản lý và điều hành hiệu quả. HĐQT cũng thể hiện tầm nhìn chiến lược khi tập trung hoàn thiện các quy chế, dự thảo điều lệ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và định hướng chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn cho Công ty. Nhờ những nỗ lực của HĐQT, Công ty đã có thể duy trì hoạt động ổn định và đạt được những kết quả đáng khích lệ trong năm 2025.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HĐQT thực hiện giám sát Ban Điều hành trên cơ sở phân định rõ chức năng quản lý và chức năng giám sát, phù hợp với Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan. Hoạt động giám sát được triển khai thông qua các hình thức sau:

- Thông qua phần mềm văn phòng điện tử Becawork, HĐQT theo dõi, giám sát tình hình hoạt động của Công ty; kịp thời nắm bắt thông tin để đưa ra chỉ đạo, định hướng phù hợp và hỗ trợ Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; đồng thời giám sát việc tuân thủ quy định nội bộ và pháp luật.
- HĐQT theo dõi, đánh giá hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thông qua hệ thống báo cáo, tài liệu và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu; tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động, thảo luận các vấn đề trọng yếu và ban hành nghị quyết triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ; đồng thời bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát.

Trên cơ sở kết quả giám sát, HĐQT ghi nhận và đánh giá cao công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong năm 2025. Công ty đạt kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đã được đề ra, với tổng doanh thu (thu nhập khác) hợp nhất đạt 430,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 72,6 tỷ đồng, lần lượt vượt 4,3% và 13,4% so với kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

Mọi hoạt động của HĐQT được thực hiện thận trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ; bảo đảm tính khách quan, minh bạch và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Năm 2025 là một năm đầy thử thách đối với VNTT khi hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên, VNTT đã duy trì hoạt động ổn định và đảm bảo việc làm cho người lao động.

Bên cạnh việc tập trung vào hoạt động kinh doanh, VNTT luôn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. VNTT đã thực hiện tốt việc tuân thủ quy định pháp luật về việc tiêu thụ nước và năng lượng, đồng thời khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng năng lượng hiệu quả.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025		Kế hoạch 2026		KH 2026/TH 2025	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	428.877	430.093	550.000	551.000	128,24%	128,11%
2	Tổng chi phí	338.321	339.320	455.000	456.000	134,49%	134,39%
3	Lợi nhuận trước thuế	90.556	90.773	95.000	95.000	104,91%	104,66%
4	Lợi nhuận sau thuế	72.410	72.589	76.000	76.000	104,96%	104,70%

Kế hoạch của Hội đồng quản trị năm 2026

Trong bối cảnh Chính phủ quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm 2026 và triển khai nhiều cơ chế đặc thù nhằm thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân, HĐQT nhận định VNTT có cơ hội tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong giai đoạn tới. Trên cơ sở đó, HĐQT thống nhất trình ĐHĐCĐ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2026 với các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Giữ vững vị thế, tiếp tục mở rộng hạ tầng viễn thông trong hệ sinh thái khu công nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Phát triển khách hàng doanh nghiệp, khai thác hiệu quả hệ sinh thái; thúc đẩy phát triển hạ tầng thông minh và chuyển đổi số, qua đó gia tăng hiệu quả hoạt động và biên lợi nhuận.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật; nâng cao uy tín và mức độ tín nhiệm của khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý nhà nước và cổ đông.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực quản trị, quản lý doanh nghiệp và đội ngũ chuyên môn sâu, đáp ứng yêu cầu phát triển; đồng thời cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm hài hòa lợi ích và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, tích cực đóng góp cho cộng đồng và xã hội.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và tự động hóa trong công tác quản trị, điều hành và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, phù hợp với định hướng phát triển của doanh nghiệp công nghệ, viễn thông. HĐQT tiếp tục nâng cao và phát huy vai trò định hướng, giám sát; tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị rủi ro, qua đó góp phần tạo dựng giá trị bền vững cho Công ty trong dài hạn.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

98 Hội đồng quản trị

100 Ban Kiểm soát

102 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị đã được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Các nghị quyết được thảo luận và thông qua tại các cuộc họp HĐQT thuộc chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	02/12	16,7%	Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2025
2	Ông Lê Phan Minh Vũ	10/12	83,3%	Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2025
3	Ông Phạm Tuấn Anh	12/12	100%	
4	Ông Quảng Văn Viết Cương	02/12	16,7%	Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2025
5	Ông Nguyễn Bá Thước	12/12	100%	
6	Bà Võ Thị Thanh Hương	12/12	100%	
7	Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng	10/12	83,3%	Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2025

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2025.

Phương thức giám sát:

- Thông qua phần mềm văn phòng điện tử Becawork, HĐQT theo dõi chặt chẽ và giám sát sát sao tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời nắm bắt thông tin và đưa ra các chỉ đạo, định hướng phù hợp, hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng giám đốc trong việc tổ chức, triển khai và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đồng thời giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
- HĐQT theo dõi và đánh giá hiệu suất làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty thông qua các báo cáo, tài liệu và các chỉ số kinh doanh quan trọng của Công ty; tổ chức các cuộc họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động, trao đổi, thảo luận về các vấn đề quan trọng và thông qua các Nghị quyết của HĐQT nhằm triển khai và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 12 (mười hai) cuộc họp HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như các báo cáo và đề xuất của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2025/NQ-HĐQT	17/02/2025	Thông qua Kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.
2	02/2025/NQ-HĐQT	27/03/2025	Thông qua nội dung và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.
3	03/2025/NQ-HĐQT	18/04/2025	Bầu Ông Lê Phan Minh Vũ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cho thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027, kể từ ngày 18/04/2025.
4	04/2025/NQ-HĐQT	06/06/2025	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông của Công ty bằng tiền mặt. <ul style="list-style-type: none">Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Giải pháp VNTT (“VNTTS”) đối với Ông Quảng Văn Viết Cương kể từ ngày 20/06/2025;Miễn nhiệm chức danh Thư ký Hội đồng thành viên của Công ty VNTTS đối với Bà Lê Thị Xuân Diệu kể từ ngày 20/06/2025;Bổ nhiệm Bà Lê Thị Xuân Diệu – Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty của Công ty làm thành viên Hội đồng thành viên của Công ty VNTTS kể từ ngày 20/06/2025;Bổ nhiệm Bà Trần Thị Thanh Ngân – Chuyên viên Pháp chế của Công ty làm Thư ký Hội đồng thành viên của Công ty VNTTS kể từ ngày 20/06/2025;Thay đổi Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty VNTTS.
6	06/2025/NQ-HĐQT	11/07/2025	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty VNTT trong năm 2025.
7	07/2025/NQ-HĐQTT	21/07/2025	Chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung dài hạn, bảo lãnh, mở L/C và các hình thức cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.
8	08/2025/NQ-HĐQT	11/08/2025	Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty và thông qua việc sử dụng dấu dưới hình thức chữ ký số
9	09/2025/NQ-HĐQT	31/10/2025	<ul style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty;Thông qua việc thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện của Công ty tại Nghệ An;Thông qua việc thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hải Phòng.
10	10/2025/NQ-HĐQT	09/12/2025	<ul style="list-style-type: none">Thông qua việc sắp xếp, cơ cấu lại các Phòng, Trung tâm chuyên môn và ban hành Sơ đồ tổ chức mới của Công ty;Thông qua việc thành lập Địa điểm kinh doanh tại Phòng giao dịch VSIP 2;Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh;Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.
11	11/2025/NQ-HĐQT	23/12/2025	<ul style="list-style-type: none">Thông qua việc chấm dứt hoạt động và chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Viễn thông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.Thông qua việc thành lập Địa điểm kinh doanh tại VNTT Data Center.
12	12/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các tổ chức là người có liên quan.



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	01/04	25%	100%	Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2025
2	Ông Nguyễn Hải Hoàng	04/04	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	04/04	100%	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Dương	03/04	75%	100%	Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã họp triển khai các công việc chính như sau:

- Thông qua dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức cho cổ đông theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua.
- Đánh giá kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025, tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ Công ty tại ngày 30/06/2025.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ và pháp luật. Định kỳ kiểm tra các giao dịch phát sinh với bên liên quan, hoạt động công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.
- Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2024 được chi trả trong năm 2025 là 122.500.000 đồng, trong đó:
 - Trường ban: 54.500.000 đồng.
 - Các thành viên: 34.000.000 đồng/người.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá hoạt động của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp HĐQT và ban hành 12 Nghị quyết đúng theo thẩm quyền quy định, thông qua các nội dung chính sau:

- Thông qua Kế hoạch tổ chức, nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty và việc chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông của Công ty bằng tiền mặt.
- Chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung, dài hạn, bảo lãnh, mở L/C và các hình thức cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.
- Thông qua việc sắp xếp, cơ cấu lại các Phòng, Trung tâm chuyên môn và ban hành Sơ đồ tổ chức mới của Công ty.
- Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.
- Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các tổ chức là người có liên quan.

Đánh giá: Trong năm 2025, HĐQT đã duy trì các kỳ họp định kỳ nhằm giám sát chặt chẽ quá trình điều hành và công tác triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, qua đó đưa ra các định hướng, chủ trương chiến lược kịp thời. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Công ty đã thực hiện tốt và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Năm 2025 là năm đánh dấu những thay đổi lớn trong việc sáp nhập các tỉnh thành, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đã thực hiện đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành trong năm 2025, tổ chức triển khai kế hoạch nhiệm vụ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban Công ty đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu, hồ sơ khi thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.
- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty CP Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trong năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thông tin về Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được Công ty công bố trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (đường dẫn công bố thông tin: <https://vnvt.com.vn/bao-cao-tai-chinh/>)

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

Thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 (đường dẫn công bố thông tin: <https://vnvt.com.vn/bao-cao-quan-tri-cong-ty/>)

Giao dịch của Công ty với người có liên quan

Thông tin về giao dịch của VNTT với người có liên quan đã được Công ty công bố trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 (đường dẫn công bố thông tin: <https://vnvt.com.vn/bao-cao-quan-tri-cong-ty/>)

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

VNTT luôn đề cao công tác Quản trị Công ty và thực hiện nghiêm túc theo các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ và các tiêu chí quốc tế. Nhờ đó, mọi hoạt động của Công ty luôn diễn ra minh bạch, hiệu quả và tuân thủ chuẩn mực đạo đức.

Năm 2026, VNTT đặt mục tiêu phát triển năng lực quản trị và giá trị nội tại, hoàn thiện và nâng cao hoạt động của các bộ phận nội bộ. Chúng tôi cam kết đảm bảo lợi ích chung của cổ đông và tạo điều kiện để họ thực hiện đầy đủ các quyền lợi của mình.

Để nâng cao năng lực quản trị, VNTT khuyến khích các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và trưởng bộ phận tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu. Qua đó, họ sẽ cập nhật kiến thức mới nhất, nâng cao kinh nghiệm và năng lực quản trị, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

106 Thông điệp phát triển bền vững

107 Mục tiêu phát triển bền vững

108 Mô hình phát triển bền vững

109 Trung tâm dịch vụ khách hàng và
Quản lý chuỗi

111 Chính sách nhân sự



THÔNG DIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh nền kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ, VNNT xác định phát triển bền vững không chỉ là một định hướng dài hạn mà còn là nguyên tắc xuyên suốt trong mọi hoạt động của Công ty. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu và giải pháp công nghệ cho khu công nghiệp và đô thị thông minh, VNNT cam kết phát triển hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Về khía cạnh kinh tế, VNNT tập trung xây dựng nền tảng tăng trưởng bền vững dựa trên việc đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hiệu quả vận hành. Công ty ưu tiên phát triển các giải pháp công nghệ có giá trị gia tăng cao, thúc đẩy chuyển đổi số cho khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt trong hệ sinh thái khu công nghiệp – nơi VNNT có lợi thế cạnh tranh khác biệt

Về môi trường, VNNT nhận thức rõ vai trò của doanh nghiệp công nghệ trong việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường. Công ty chú trọng triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong vận hành hạ tầng viễn thông và trung tâm dữ liệu, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng tài nguyên bền vững trong toàn hệ thống. Việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường và hướng tới các tiêu chuẩn vận hành xanh là một trong những ưu tiên quan trọng của VNNT.

Về xã hội, VNNT đặt con người làm trung tâm của sự phát triển. Công ty không ngừng đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và tạo điều kiện để người lao động phát triển toàn diện. Đồng thời, VNNT luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đối tác và các bên liên quan, cũng như tích cực đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

Về quản trị, VNNT tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiệu quả và phù hợp với các thông lệ tốt trên thị trường. Công ty tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao trách nhiệm giải trình và đảm bảo tuân thủ pháp luật, qua đó củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư.

Với nền tảng đó, VNNT hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp công nghệ – viễn thông phát triển bền vững, đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng hạ tầng số quốc gia và hệ sinh thái khu công nghiệp thông minh tại Việt Nam.

MUC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VNNT định hướng phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột chính: Kinh tế – Môi trường – Xã hội, gắn với việc nâng cao năng lực quản trị và tạo giá trị dài hạn cho cổ đông.

1. Kinh tế – Tăng trưởng bền vững

- Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định thông qua đầu tư và phát triển hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu và giải pháp công nghệ.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và cải thiện biên lợi nhuận.
- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng, thúc đẩy chuyển đổi số cho khách hàng trong khu công nghiệp và đô thị thông minh.

2. Môi trường – Vận hành có trách nhiệm

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là điện năng trong vận hành hệ thống viễn thông và trung tâm dữ liệu.
- Triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng và hướng tới mô hình hạ tầng số “xanh”.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Xã hội – Phát triển con người và cộng đồng

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ và quản trị hiện đại.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập và môi trường làm việc ổn định cho người lao động.
- Tăng cường trách nhiệm với cộng đồng, hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và xã hội.

4. Quản trị – Minh bạch và hiệu quả

- Hoàn thiện hệ thống quản trị theo Luật Doanh nghiệp và các thông lệ tốt trên thị trường.
- Tăng cường minh bạch thông tin, nâng cao trách nhiệm giải trình với cổ đông.
- Kiểm soát rủi ro, đảm bảo tuân thủ pháp luật và phát triển bền vững dài hạn.



MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xã hội bền vững



Phát triển bền vững về môi trường

Kinh tế bền vững

TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN LÝ CƯỚC

Môi trường

Số hóa quy trình cskh & Cước, giảm chi phí in ấn, phong bì, phí vận chuyển, giảm vận hành thủ công:

- Hóa đơn điện tử, thông báo cước qua Email, SMS, Zalo
- Tra cứu cước, dịch vụ, hóa đơn, thanh toán online tại <https://member.vntt.com.vn> (trước đây phải in chi tiết cước thoại, thông báo cước gửi EmS...)
- 100% khách hàng thanh toán online gần như loại bỏ tiền mặt
- Biên bản đối soát, biên bản điều chỉnh hóa đơn: chuyển sang ký số đối với các DN có sử dụng CKS
- Cải tiến phần mềm cước, giúp gửi hóa đơn sớm, tính năng xác nhận trả trước khai báo trực tiếp từ phần mềm cước và phát hành hóa đơn: giảm việc in giấy để nhập liệu

Khuyến khích nhân viên tắt các thiết bị điện sau giờ làm.



TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ QUẢN LÝ CƯỚC

Xã hội

Tuân thủ bảo mật dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền lợi và tăng trải nghiệm khách hàng: nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm khiếu nại

- Năm 2025 chỉ có 1 khiếu nại
- Đơn giản hóa quy trình thanh toán, giảm phụ thuộc vào CSKH hướng dẫn: qua ứng dụng thanh toán 1 chạm trên Zalo
- Phân quyền truy cập hệ thống cước
- Gửi hóa đơn sớm giúp khách hàng chủ động tài chính
- Hỗ trợ gia hạn thanh toán cho khách hàng khi có email/công văn yêu cầu hỗ trợ
- Giảm cước do ảnh hưởng thiên tai.

Phát triển và bảo vệ người lao động: đảm bảo công bằng nội bộ, phát triển năng lực nhân viên

- Tối ưu nguồn lực, đào tạo đa nhiệm (CSKH-Cước-KD site tỉnh)
- Thường xuyên đào tạo và đánh giá nghiệp vụ nhân viên cskh, cước: năm 2025 có 2 buổi đào tạo nội bộ, 1 kỳ kiểm tra năng lực, 1 vòng phỏng vấn từng cá nhân để lắng nghe tâm tư-nguyện vọng- điểm mạnh-yếu để có kế hoạch hỗ trợ từng nhân viên=> kết quả 100% nhân sự đạt yêu cầu, tăng chủ động, giảm quá tải cá nhân.
- Tạo môi trường làm việc năng động để nhân viên tự do đóng góp ý kiến.

Quản trị

Quản lý minh bạch cước phí tại phần mềm cước; Quản lý cuộc gọi tại phần mềm cskh Caresoft

- Kiểm soát rủi ro, phân quyền theo user cskh, cước, kinh doanh, các ban quản lý
- Log hệ thống, lưu vết thay đổi

Chuẩn hóa các quy trình quản lý công nợ, quy trình xử lý khiếu nại, quy trình phối hợp....

Xây dựng tài liệu hướng dẫn công việc cskh, cước

Kpis gắn với tỷ lệ khiếu nại, mức độ hài lòng, tỷ lệ thu cước:

- Có 96,9% khách lắp mới năm 2025 hài lòng chất lượng dịch vụ
- Có 94,3% khách hiện hữu được khảo sát năm 2025 đánh giá chất lượng dv ổn định
- Có 99,1% Tỷ lệ thu hồi công nợ của khách hàng phát sinh trong năm 2025 được thu hồi không quá hạn 15 ngày theo tiến độ thanh toán của hợp đồng.

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về các hoạt động chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên và quan tâm đến cộng đồng, trong năm VNTT đã thực hiện

- Trao quà tết Nguyên Đán Ất Ty năm 2025 cho hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn... trên địa bàn phường Hòa Phú.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ nhân viên tại Bệnh viện Quốc tế Becamex.
- Duy trì thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả cán bộ nhân viên.
- Tháng 05/2025, VNTT tổ chức du lịch cho cán bộ nhân viên tại Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa.
- Tháng 06/2025, VNTT tổ chức khen thưởng con em cán bộ nhân viên đạt thành tích Học sinh giỏi.
- Dịp lễ 8/3 phối hợp cùng Công đoàn cơ sở, tổ chức tặng quà cho toàn bộ cán bộ nhân viên nữ. Tổ chức cuộc thi ảnh “DUYÊN DÁNG ÁO DÀI VNTT 2025” nhằm tôn vinh vẻ đẹp của phụ nữ Việt Nam 20/10.
- Vào dịp Tết trung thu, VNTT tổ chức hoạt động “Đêm hội trăng rằm” để con em cán bộ nhân viên có thể tham gia.
- Hỗ trợ kinh phí cho ngày “Tết trung thu” cho BQT nhà ở xã hội Becamex Định Hòa
- Ủng hộ quỹ từ thiện HiGreen - Vì Trường Sa xanh.
- Tổ chức Đại hội công đoàn và hội nghị người lao động.
- Tổ chức tiệc Tất niên 2025 tại sân Golf Phú Mỹ.
- VNTT đồng hành cùng tổ chức Go Green Cleanup chung tay làm sạch môi trường, lan tỏa tinh thần sống xanh đến cộng đồng.
- Tháng 11/2025, VNTT cùng 310 cán bộ nhân viên đã trích đóng Quỹ phòng chống thiên tai năm 2025 với tổng chi phí là 129.450.000 VNĐ.
- Trong đợt ảnh hưởng của bão lũ kéo dài từ tháng 09 đến tháng 10 năm 2025, VNTT hỗ trợ và kêu gọi thêm sự tham gia tự nguyện của cán bộ nhân viên trong các chương trình hỗ trợ cho đồng nghiệp tại các POP Bình Định, Nghệ An...



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về chính sách thưởng và phúc lợi trong năm 2025

Trong năm 2025, VNTT duy trì chính sách sử dụng lao động ổn định, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội. Đảm bảo người lao động được ký kết hợp đồng lao động phù hợp với vị trí công việc và thời hạn theo quy định, được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc.

Chính sách tiền lương được xây dựng minh bạch, gắn với năng lực chuyên môn, hiệu quả công việc và đặc thù kỹ thuật của các vị trí, chú trọng hơn đến các khoản thưởng, phúc lợi khác như:

- Các khoản thưởng định kỳ, thưởng tháng 13, thưởng Tết Nguyên Đán, lễ 30/04 và lễ 02/09 được chú trọng và điều chỉnh cao hơn so với năm 2024;
- Ngoài khoản thưởng trên: Nhằm ghi nhận, tôn vinh những nỗ lực, thành tích nổi bật, tinh thần trách nhiệm trong công việc của tập thể và cá nhân trong năm, Ban Tổng Giám đốc trích khen thưởng tập thể xuất sắc, cá nhân xuất sắc
- Phê duyệt gói bảo hiểm sức khỏe dành cho cấp quản lý;
- Bổ sung phụ cấp kiêm nhiệm ở cho nhân sự phụ trách công việc ở nhiều phòng ban.
- Hỗ trợ chi phí đồng phục cho toàn thể cán bộ nhân viên.



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

122 Ý kiến kiểm toán

124 Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 14
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	15 - 52
8. Phụ lục	53 - 56



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (0274) 363 5201
- Fax : +84 (0274) 363 5200

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, phường Hòa Bình, TP. Hải Phòng
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
Địa điểm kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Lô J46, Ô số P1G, Đường NJ17, Khu dân cư ấp 3B, phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Phòng Giao dịch VSIP 2 – Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
VNTT Data Center – Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường số 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, đường số 3, Khu công nghiệp BW Supply Chain, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xuất bản phần mềm;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động thông tấn;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Phá dỡ;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Chuẩn bị mặt bằng;

- Sản xuất điện mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Phan Minh Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hải Hoàng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Tuấn Anh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Hồ Chí Minh Head Office : 02 Trương Sơn Sĩ, Tân Sơn Hòa Ward, Hồ Chí Minh City, Vietnam
Hanoi Branch : 40 Giang Võ Sĩ, Giang Võ Ward, Hà Nội City, Vietnam
Central Region Branch : Lot 5TH GIA.01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Hòa Trung Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam
Southwest Branch : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Hùng Phú Ward, Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 ktiv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 ktiv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 ktiv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 ktiv.ct@a-c.com.vn

www.a-c.com.vn



Số: 1.0767/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 08 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1

Người được ủy quyền

Đỗ Thị Mai Loan

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		476.591.271.927	421.183.333.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.709.279.390	40.126.663.024
1. Tiền	111		34.709.279.390	35.126.663.024
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		193.500.000.000	162.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	193.500.000.000	162.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.898.917.088	104.746.776.639
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60.782.360.050	83.763.180.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.106.760.272	6.686.762.380
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	20.331.519.454	18.824.907.246
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.321.722.688)	(4.528.073.335)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		130.373.160.211	110.974.921.828
1. Hàng tồn kho	141	V.7	130.373.160.211	110.974.921.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.109.915.238	2.834.971.556
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.731.804.709	2.256.613.828
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		747.410.752	12.951.318
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	630.699.777	565.406.410
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		155.590.003.848	155.784.933.311
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.067.248.493	239.604.474
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.067.248.493	239.604.474
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		102.658.494.927	114.799.510.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	95.162.194.457	105.788.904.150
- Nguyên giá	222		369.495.555.761	358.493.934.528
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(274.333.361.304)	(252.705.030.378)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.496.300.470	9.010.606.306
- Nguyên giá	228		18.887.732.382	22.751.538.256
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.391.431.912)	(13.740.931.950)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.960.229.550	32.491.050.965
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	39.960.229.550	32.491.050.965
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.904.030.878	8.254.767.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	11.904.030.878	8.254.767.416
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		632.181.275.775	576.968.266.358

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		126.571.000.366	102.313.360.551
I. Nợ ngắn hạn	310		113.167.238.695	90.593.602.614
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	48.082.606.997	35.812.714.696
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.826.309.641	1.354.775.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.208.606.664	6.460.333.414
4. Phải trả người lao động	314	V.16	16.686.839.007	10.181.370.152
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.133.713.746	9.270.173.026
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	12.096.033.465	12.008.000.286
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a, c	14.974.599.498	11.610.815.171
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20a	1.541.011.974	1.299.132.608
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.617.517.703	2.596.287.810
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		13.403.761.672	11.719.757.937
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	585.387.640	1.132.268.680
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b, c	9.432.051.489	8.105.916.426
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	2.227.655.829	2.189.921.831
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20b	1.158.666.714	291.651.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		505.610.275.408	474.654.905.807
I. Vốn chủ sở hữu	410		505.610.275.408	474.654.905.807
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	(382.600.000)	(382.600.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	61.481.795.646	46.213.087.998
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.23	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	76.796.794.702	61.110.132.749
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.207.695.430	61.110.132.749
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		72.589.099.272	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		632.181.275.775	576.968.266.358

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	419.149.072.743	360.801.792.357
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	419.149.072.743	360.801.792.357
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	291.917.647.663	241.070.983.193
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.231.425.080	119.730.809.164
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.098.502.571	5.917.307.166
7. Chi phí tài chính	22		9.605.394	1.468.737
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	18.025.863.141	18.333.126.727
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	28.878.110.241	33.375.621.511
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		89.416.348.875	73.937.899.354
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.844.855.157	2.316.205.726
13. Chi phí khác	32	VI.7	488.615.073	249.477.246
14. Lợi nhuận khác	40		1.356.240.084	2.066.728.480
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.772.588.959	76.004.627.834
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	18.145.755.689	15.116.117.386
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	37.733.998	(186.320.142)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.589.099.272	61.074.830.591
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.23	72.589.099.272	61.074.830.591
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.704	1.442
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.704	1.442

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.772.588.959	76.004.627.834
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	32.526.767.473	31.916.904.627
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.20	1.902.544.433	(800.198.851)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(78.652.853)	(58.600.369)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(9.062.619.980)	(5.419.238.508)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		116.060.628.032	101.643.494.734
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.761.128.761	49.970.497.962
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.398.238.383)	(27.350.523.570)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.990.185.586	10.542.298.625
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.124.454.343)	1.618.026.057
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(17.648.537.386)	(13.974.282.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	7.020.000	5.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19a, V.21, V.23	(7.893.273.166)	(4.390.004.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		108.754.459.101	118.064.907.372
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11, VII	(28.940.749.825)	(26.731.385.541)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	1.498.030.302	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(258.500.000.000)	(185.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	227.500.000.000	103.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	6.526.784.935	3.790.561.797
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.915.934.588)	(105.440.823.744)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a, V.23	(32.334.561.000)	(25.635.364.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.334.561.000)	(25.635.364.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		24.503.963.513	(13.011.281.222)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40.126.663.024	53.079.343.877
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		78.652.853	58.600.369
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.709.279.390	40.126.663.024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Tập đoàn**
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh) cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, phường Hòa Bình, TP. Hải Phòng
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
Địa điểm kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Lô J46, Ô số P1G, Đường NJ17, Khu dân cư ấp 3B, phường Thới Hòa, TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Phòng Giao dịch VSIP 2 – Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
VNTT Data Center – Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường số 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, đường số 3, Khu công nghiệp BW Supply Chain, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 339 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 295 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà các công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí thuê đất

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê đất.

Vật tư, thiết bị khảo sát

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

Chi phí xây dựng, sửa chữa

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	811.634.948	611.134.349
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.897.644.442	34.515.528.675
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	30.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	64.709.279.390	40.126.663.024

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	30.913.209.188	53.007.942.478
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	9.412.660.322	9.285.315.962
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex Becamex – CTCP	7.977.760.617	21.959.311.925
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	3.577.480.820	1.682.921.302
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex – VSIP	3.301.181.356	3.653.743.486
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	3.134.197.510	2.980.233.050
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	2.480.875.167	3.173.930.855
Công ty TNHH Becamex Tokyu	541.483.971	182.743.114
VNPT Thành phố Hồ Chí Minh	122.107.094	305.249.716
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	89.128.872	-
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	51.119.503	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	36.144.000	1.650.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	36.343.120	121.170.100
	30.460.000	28.810.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	26.350.500	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	26.112.000	1.782.958.800
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	23.028.000	6.000.000
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	16.514.834	7.770.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	9.350.000	9.350.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	6.281.500	1.023.548.500
Công ty Cổ phần Sao Hỏa Toàn quốc	3.850.000	-
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	3.740.000	3.740.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	2.750.000	2.750.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)	2.640.000	158.955.800
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	1.650.002	366.886.322
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	-	5.632.469.997
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	-	475.972.812
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	-	129.504.321
Viễn thông Bình Dương	-	23.056.416
Công ty TNHH MTV Aspire	-	5.500.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	-	2.750.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	-	1.650.000
Phải thu các khách hàng khác	29.869.150.862	30.755.237.870
Cộng	60.782.360.050	83.763.180.348

4. Trả trước cho người bán khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Hoàng Long Vân	2.504.197.600	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phan Khang	1.009.011.244	1.009.011.244
Công ty TNHH Hạ tầng Truyền thông Số	636.474.783	1.117.703.473
Công ty Điện lực Bình Dương	469.127.425	1.628.237.055
Các nhà cung cấp khác	2.487.949.220	2.931.810.608
Cộng	7.106.760.272	6.686.762.380

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	990.718.340	-	521.095.668	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	-	-	453.878.200	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Phải thu phí dịch vụ	20.000	-	20.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex) - Phải thu phí dịch vụ	40.400	-	359.790	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu phí dịch vụ	44.795	-	63.951	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex - Phải thu phí dịch vụ	47.919	-	110.340	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - VSIP - Phải thu phí dịch vụ	58.690	-	51.627	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Phải thu phí dịch vụ	60.501	-	61.818	-
Công ty TNHH MTV Aspire - Phải thu phí dịch vụ	61.118	-	60.600	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Phải thu phí dịch vụ	70.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Phải thu phí dịch vụ	70.910	-	70.910	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	80.000	-	80.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore - Phải thu phí dịch vụ	86.515	-	63.920	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	123.542	-	398.751	-
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	159.281	-	158.158	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	306.544	-	300.800	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	362.802	-	449.689	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	527.118	-	564.244	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu phí dịch vụ	1.448.731	-	974.670	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - Phải thu doanh thu dịch vụ phân chia	22.896.274	-	-	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Ký quỹ, ký cược	63.108.000	-	63.108.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore - Phải thu phí dịch vụ	290.825.000	-	180.000	-
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex Becamex - CTCP - Phải thu phí dịch vụ	610.320.200	-	140.200	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.340.801.114(2.309.450.910)	-	18.303.811.578(2.309.450.910)	-
Ông Lê Xuân Vinh – Tạm ứng	453.878.200	-	-	-
Tạm ứng các đối tượng khác	10.406.332.989(2.309.450.910)	-	11.833.922.568(2.309.450.910)	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	53.315.062	-	133.363.088	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.995.681.659	-	2.820.438.356	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.431.593.204	-	3.578.796.815	-
Cộng	20.331.519.454(2.309.450.910)	-	18.824.907.246(2.309.450.910)	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	593.971.528	-	150.715.528	-
Công ty TNHH MTV Aspire - Ký quỹ dài hạn	61.835.200	-	70.235.200	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	51.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP - Ký quỹ dài hạn	461.656.000	-	10.000.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	473.276.965	-	88.888.946	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	473.276.965	-	88.888.946	-
Cộng	1.067.248.493	-	239.604.474	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
Từ 03 đến 06 tháng	35.546.482	24.882.537	203.002	142.101
Từ 06 đến 09 tháng	48.812.370	24.406.185	66.474.509	33.237.255
Từ 09 đến 12 tháng	75.055.282	22.516.585	139.472.136	41.841.641
Trên 12 tháng	958.696.697	-	789.415.055	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
Dưới 01 năm	4.805.173	3.363.621	-	-
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	245.464.800	73.639.440	261.459.460	130.729.730
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	15.455.660	4.636.698	511.598.709	153.479.613
Từ 03 năm trở lên	1.048.766.254	-	537.193.968	-
Phải thu khác của các cá nhân				
Từ 03 năm trở lên	2.309.450.910	-	2.309.450.910	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
Từ 03 năm trở lên	453.878.200	-	453.878.200	453.878.200
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	10.000.000	3.000.000	272.235.926	-
Từ 03 năm trở lên	272.235.926	-	-	-
Cộng	5.478.167.754	156.445.066	5.341.381.875	813.308.540

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.528.073.335	4.283.267.446
Trích lập dự phòng bổ sung	793.649.353	244.805.889
Số cuối năm	5.321.722.688	4.528.073.335

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.232.819.934	-	42.288.715.963	-
Công cụ, dụng cụ	43.457.822	-	100.752.822	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	79.585.432.282	-	46.062.709.520	-
Hàng hóa bất động sản	21.511.450.173	-	21.421.416.923	-
Hàng hóa	-	-	1.101.326.600	-
Cộng	130.373.160.211	-	110.974.921.828	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	572.261.897	447.345.643
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.159.542.812	1.809.268.185
Cộng	3.731.804.709	2.256.613.828

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.253.255.126	348.299.892
Chi phí thuê đất	8.467.292.370	6.432.075.470
Vật tư, thiết bị khảo sát	14.729.171	32.229.167
Chi phí xây dựng, sửa chữa	982.445.650	196.755.976
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.186.308.561	1.245.406.911
Cộng	11.904.030.878	8.254.767.416

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.291.910.157	235.161.616.580	95.268.418.611	8.334.361.714	1.437.627.466	358.493.934.528
Mua trong năm	-	852.736.629	-	176.650.000	-	1.029.386.629
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.885.564.631	5.887.119.208	7.265.734.078	3.114.981.397	126.564.925	20.279.964.239
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.708.628.871)	(3.335.643.964)	(263.456.800)	-	(10.307.729.635)
Phân loại lại	-	-	-	419.758.662	(419.758.662)	-
Số cuối năm	22.177.474.788	235.192.843.546	99.198.508.725	11.782.294.973	1.144.433.729	369.495.555.761
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.345.971.956	91.934.224.629	24.326.238.200	772.197.075	939.749.622	122.318.381.482
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.878.220.288	181.350.391.693	58.472.328.022	1.913.332.903	1.090.757.472	252.705.030.378
Khấu hao trong năm	913.842.368	17.456.670.795	10.806.996.264	1.550.043.844	71.068.730	30.798.622.001
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.632.669.422)	(2.274.164.853)	(263.456.800)	-	(9.170.291.075)
Phân loại lại	-	-	-	145.383.521	(145.383.521)	-
Số cuối năm	10.792.062.656	192.174.393.066	67.005.159.433	3.345.303.468	1.016.442.681	274.333.361.304

Giá trị còn lại						
Số đầu năm	8.413.689.869	53.811.224.887	36.796.090.589	6.421.028.811	346.869.994	105.788.904.150
Số cuối năm	11.385.412.132	43.018.450.480	32.193.349.292	8.436.991.505	127.991.048	95.162.194.457
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.906.733.692	18.844.804.564	22.751.538.256
Lệ phí trước bạ	19.827.500	-	19.827.500
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	194.012.136	-	194.012.136
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.077.645.510)	(4.077.645.510)
Số cuối năm	4.120.573.328	14.767.159.054	18.887.732.382

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	6.432.569.680	6.432.569.680
---------------------------------------	---	---------------	---------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	13.740.931.950	13.740.931.950
Khấu hao trong năm	-	1.728.145.472	1.728.145.472
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.077.645.510)	(4.077.645.510)
Số cuối năm	-	11.391.431.912	11.391.431.912

Giá trị còn lại

Số đầu năm	3.906.733.692	5.103.872.614	9.010.606.306
Số cuối năm	4.120.573.328	3.375.727.142	7.496.300.470

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	12.307.585.178	1.663.436.027	(4.772.686.027)	(29.550.000)	9.168.785.178
Xây dựng cơ bản dở dang	20.183.465.787	28.564.951.394	(15.701.290.348)	(2.255.682.461)	30.791.444.372
Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4	3.766.959.640	-	-	-	3.766.959.640
Hạng mục thi công Hạ tầng Viễn thông khu Dân cư Bàu Bàng	3.356.500.942	480.335.269	(365.998.859)	(51.128.404)	3.419.708.948
Hạng mục đầu tư hệ thống Hệ thống PowerProtect DD6900	2.976.367.840	-	(2.976.367.840)	-	-
Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3	1.018.562.903	2.489.399.948	(511.855.370)	(17.596.846)	2.978.510.635
Hạng mục thi công cải tạo, xây dựng Trung tâm Dịch vụ Viễn thông	1.240.770.979	-	(1.240.770.979)	-	-
Hạng mục đầu tư hệ thống giám sát mạng cáp quang chủ động	-	1.011.550.000	(946.900.000)	(64.650.000)	-
Hạng mục đầu tư hệ thống server AI phục vụ phòng nghiên cứu và triển khai	-	13.513.700.000	-	-	13.513.700.000
Các công trình khác	7.824.303.483	11.069.966.177	(9.659.397.300)	(2.122.307.211)	7.112.565.149
Cộng	32.491.050.965	30.228.387.421	(20.473.976.375)	(2.285.232.461)	39.960.229.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi/lỗ các giao dịch nội bộ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	199.786.257	244.513.872
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(199.786.257)	(244.513.872)
Số cuối năm	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế của Công ty TNHH Giải pháp VNNT. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau :

Năm 2022	4.224.626.394
Năm 2023	5.689.328.730
Cộng	9.913.955.124

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.818.972.366	6.462.629.393
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.595.725.973	5.595.725.973
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông Trộn sẵn Mỹ Phước VNPT Thành phố Hồ Chí Minh	2.780.191.208	-
Trung tâm Kinh Doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	-	96.828.580
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	188.255.501	96.514.107
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - VSIP	64.969.215	-
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex Becamex - CTCP	41.842.164	30.643.355
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	34.274.311	38.164.167
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	22.988.000	-
Công ty TNHH MTV Aspire	34.009.360	34.009.360
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	18.717.365	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	9.751.190	83.160

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	9.195.310	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu	6.999.420	8.313.168
Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh	6.621.571	-
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	5.431.778	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)	-	50.871.517
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	-	200.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	39.263.634.631	29.350.085.303
Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Quang Dũng	401.453.811	12.159.964.712
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ ADTECH Việt Nam	220.055.880	3.892.702.480
Công ty Cổ phần Giải pháp Nền tảng Truyền thông và thông tin	11.675.836.800	1.109.142.320
Các nhà cung cấp khác	26.966.288.140	12.188.275.791
Cộng	48.082.606.997	35.812.714.696

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH BW Supply Chain City – bên liên quan	2.200.000	2.200.000
Chi nhánh Công ty TNHH Thực phẩm Orion Vina	1.300.984.200	-
Các khách hàng khác	1.523.125.441	1.352.575.451
Cộng	2.826.309.641	1.354.775.451

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	50.917.932	565.406.410	15.813.485.480	(15.929.696.779)	-	630.699.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.639.052.354	-	18.145.755.689	(17.648.537.386)	6.136.270.657	-
Thuế thu nhập cá nhân	770.363.128	-	2.688.491.841	(3.397.720.999)	61.133.970	-
Thuế nhà đất	-	-	28.710.348	(28.710.348)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.160.708	(18.160.708)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	129.290.389	(118.088.352)	11.202.037	-
Cộng	6.460.333.414	565.406.410	36.823.894.455	(37.140.914.572)	6.208.606.664	630.699.777

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác (*) 10%

(*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các Công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Giải pháp VNTT phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm. Công ty TNHH Giải pháp VNTT được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất phần mềm theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Tập đoàn chỉ phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam với số tiền là 18.145.755.689 VND (năm trước là 15.116.117.386 VND).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	1.510.718.879	2.715.084.177
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	5.756.862.952	5.938.524.960
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	866.131.915	616.563.889
Cộng	8.133.713.746	9.270.173.026

18. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.224.181.412	584.370.272
Thường Ban điều hành	1.221.496.612	550.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải trả khác	2.684.800	-
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - Phải trả doanh thu dịch vụ phân chia	-	34.370.272
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	13.750.418.086	11.026.444.899
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	242.375.200	204.179.000
Cổ tức phải trả	9.093.609.300	8.373.420.300
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	3.874.584.207	2.119.271.875
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	161.435.153	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	378.414.226	329.573.724
Cộng	14.974.599.498	11.610.815.171

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	3.300.000	23.100.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương - Nhận ký quỹ dài hạn	-	19.800.000
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Nhận ký quỹ dài hạn	3.300.000	3.300.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	9.428.751.489	8.082.816.426
Nhận ký quỹ dài hạn khác	9.428.751.489	8.082.816.426
Cộng	9.432.051.489	8.105.916.426

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả

20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.299.132.608	2.189.455.267
Tăng do trích lập	1.557.770.910	986.824.230
Hoàn nhập dự phòng	(1.353.697.238)	(2.189.455.267)
Số sử dụng	-	(5.372.222)
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	37.805.694	317.680.600
Số cuối năm	1.541.011.974	1.299.132.608

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	291.651.000	446.333.081
Tăng do trích lập	904.821.408	182.257.200
Số sử dụng	-	(19.258.681)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(37.805.694)	(317.680.600)
Số cuối năm	1.158.666.714	291.651.000

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.596.287.810	2.267.963.234
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.107.483.059	3.312.928.776
Tăng khác	7.020.000	5.400.000
Chi quỹ	(6.093.273.166)	(2.990.004.200)
Số cuối năm	2.617.517.703	2.596.287.810

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.189.921.831	2.376.241.973
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	237.520.255	58.193.730
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(199.786.257)	(244.513.872)
Số cuối năm	2.227.655.829	2.189.921.831

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	178.446.000.000	178.446.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	168.829.000.000
Cộng	367.275.000.000	367.275.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	36.727.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 33.054.750.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 15.268.707.648
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.107.483.059
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.250.000.000
• Thường ban điều hành	: 1.221.496.612

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	14.269,48	225.216,36
Euro (EUR)	42,34	63,30

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	41.268.291.531	21.918.172.227
Doanh thu cung cấp dịch vụ	282.724.993.513	258.517.500.539
Doanh thu hợp đồng xây dựng	95.155.787.699	61.007.397.917
Doanh thu bất động sản	-	19.358.721.674
Cộng	419.149.072.743	360.801.792.357

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP		
Bán thiết bị	21.175.208.190	11.462.152.972
Cung cấp dịch vụ	5.996.660.645	8.041.667.316
Xây dựng công trình	60.282.891.975	20.175.703.570
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Cung cấp dịch vụ	539.240.000	212.490.000
Xây dựng công trình	155.790.000	1.778.425.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Bán thiết bị	65.670.000	-
Cung cấp dịch vụ	770.267.415	230.400.000
Xây dựng công trình	-	832.890.350
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Bán thiết bị	-	-
Cung cấp dịch vụ	18.728.631	18.771.163
Xây dựng công trình	-	27.245.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Bán thiết bị	227.610.000	118.580.000
Cung cấp dịch vụ	1.614.166.300	1.755.206.405
Xây dựng công trình	1.635.661.800	8.274.017.778
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	3.080.000	1.410.000
Xây dựng công trình	481.993.153	824.101.978
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Bán hàng hóa	159.038.000	-
Cung cấp dịch vụ	481.402.433	648.664.790
Công ty Cổ phần Dược Enlie		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	103.980.000
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Bán hàng hóa	1.680.000	-
Cung cấp dịch vụ	656.706.587	23.980.000
Xây dựng công trình	-	783.952.533
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	1.750.000	18.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán hàng hoá	143.845.000	-
Cung cấp dịch vụ	163.734.414	156.878.000
Xây dựng công trình	-	177.359.101
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)		
Cung cấp dịch vụ	37.307.628	280.007.999
Xây dựng công trình	-	4.000.000
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Bán hàng hoá	688.251.000	396.733.000
Cung cấp dịch vụ	455.560.000	1.266.642.834
Xây dựng công trình	3.440.068.000	737.852.000
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Cung cấp dịch vụ	2.325.000	2.325.003
Xây dựng công trình	819.900.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Bán hàng hoá	264.134.000	113.778.000
Cung cấp dịch vụ	717.399.574	626.245.030
Xây dựng công trình	366.588.000	24.374.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	748.795.022	685.621.667
Xây dựng công trình	74.541.000	-
Bán thiết bị	-	5.038.653.058
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn		
Bán thiết bị	-	8.230.000
Cung cấp dịch vụ	398.560.000	398.880.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Bán thiết bị	91.800.000	11.832.000
Cung cấp dịch vụ	393.372.885	528.899.114
Xây dựng công trình	-	310.864.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – VSIP		
Bán thiết bị	336.970.000	767.853.364
Cung cấp dịch vụ	233.248.820	212.275.771
Xây dựng công trình	-	10.208.381.130
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông		
Bán thiết bị	-	80.000
Cung cấp dịch vụ	-	5.090.569.244
Viễn thông Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	3.258.750.040	3.192.821.249
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	93.673.290	48.756.472
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu		
Cung cấp dịch vụ	130.404.780	5.160.000
Xây dựng công trình	-	125.117.779
Công ty TNHH MTV Aspire		
Cung cấp dịch vụ	60.890.704	61.407.952
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	56.220.000	40.800.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore		
Cung cấp dịch vụ	30.876.936	31.473.605
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương		
Bán thiết bị	-	890.000
Cung cấp dịch vụ	30.000.000	33.818.000
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước		
Cung cấp phần mềm	71.230.910	73.782.857
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex		
Cung cấp dịch vụ	-	38.500.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex		
Cung cấp dịch vụ	49.042.242	48.970.703

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định		
Cung cấp dịch vụ	16.560.000	16.587.393
Công ty TNHH BW Supply Chain City		
Cung cấp dịch vụ	18.240.328	35.156.667
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông Trộn sẵn Mỹ Phước		
Cung cấp dịch vụ	102.000.000	90.402.727
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ	16.200.000	16.200.000
Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ		
Xây dựng công trình	-	156.253.000
Công ty Cổ phần Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành		
Cung cấp dịch vụ	122.874.657	-
Công ty Cổ phần Sao Hỏa Toàn quốc		
Cung cấp dịch vụ	37.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Mỹ Phước 3		
Cung cấp dịch vụ	2.542.727	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Công Nghiệp BW Thời Hòa - Dự án 2		
Cung cấp dịch vụ	1.942.727	-
Công ty TNHH Phát triển Công Nghiệp BW Bàu Bàng - BB06		
Cung cấp dịch vụ	5.165.454	-
Công ty TNHH Phát triển Công Nghiệp BW Bàu Bàng - BB01		
Cung cấp dịch vụ	2.502.727	-
VNPT Thành phố Hồ Chí Minh		
Cung cấp dịch vụ	2.697.072.709	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.066.488.082	21.703.009.095
Giá vốn cung cấp dịch vụ	161.886.401.147	150.906.268.501
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	91.964.758.434	56.544.751.043
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	-	11.916.954.554
Cộng	291.917.647.663	241.070.983.193
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.702.028.238	5.419.238.508
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	32.835.242	27.247.207
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	284.986.238	412.221.082
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	78.652.853	58.600.369
Cộng	9.098.502.571	5.917.307.166
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.394	-
Chi phí tài chính khác	9.600.000	1.468.737
Cộng	9.605.394	1.468.737
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.678.075.779	13.854.046.661
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	298.040.943	136.616.909
Chi phí khấu hao	139.192.008	291.224.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.723.059	665.613.283
Chi phí khác	3.394.831.352	3.385.625.870
Cộng	18.025.863.141	18.333.126.727
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.446.386.983	19.402.476.159
Chi phí vật liệu quản lý	384.961.211	426.157.176
Chi phí đồ dùng văn phòng	331.349.508	778.645.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	694.155.687	1.252.375.851
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	793.649.353	244.805.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.717.306.008	1.761.815.593
Chi phí khác	11.510.301.491	9.509.345.267
Cộng	28.878.110.241	33.375.621.511

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	360.591.742	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	40.600.000	31.800.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.353.697.238	2.189.455.267
Thu nhập khác	89.966.177	94.950.459
Cộng	1.844.855.157	2.316.205.726

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp ngân sách nhà nước	73.407.975	47.669.656
Chi phí khác	415.207.098	201.807.590
Cộng	488.615.073	249.477.246

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(199.786.257)	(244.513.871)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	237.520.255	58.193.729
Cộng	37.733.998	(186.320.142)

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	72.589.099.272	61.074.830.591
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.258.909.927)	(6.107.483.059)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(2.751.781.985)	(2.021.496.612)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	62.578.407.360	52.945.850.920
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	36.727.500	36.727.500
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.704	1.442

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.222.969.234	89.423.268.401
Chi phí nhân công	78.713.478.257	68.345.596.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.526.767.473	31.916.904.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.911.676.763	80.430.235.015
Chi phí khác	51.039.003.442	32.241.044.781
Cộng	368.413.895.169	302.357.049.338

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản phải trả liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 6.176.939.355 VND (số đầu năm là 6.303.967.211 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	10.130.120.000	17.333.420.000
Trên 01 năm đến 05 năm	1.398.920.000	11.535.540.000
Cộng	11.529.040.000	28.868.960.000

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Xuân Vinh	-	23.030.000
Ông Nguyễn Bá Thước	-	21.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở thuyết minh số V.19.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát:

	Tiền lương	Thưởng	Thủ lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Năm nay				
Ông Lê Phan Minh Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	49.000.000	49.000.000
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	117.500.000	117.500.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	675.600.000	831.471.400	149.500.000	1.656.571.400
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	134.500.000	134.500.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	94.500.000	94.500.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	134.500.000	134.500.000
Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng - Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	40.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	94.500.000	94.500.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	98.000.000	98.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	82.000.000	82.000.000
Ông Lê Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 02 tháng 1 năm 2025)	32.550.000	205.929.810	-	238.479.810
Ông Nguyễn Minh Dương - Kiểm soát viên (Bổ nhiệm từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền - Phó Tổng Giám đốc	399.000.000	287.229.650	-	686.229.650
Ông Nguyễn Văn Phúc - Kế toán trưởng	493.000.000	606.706.199	-	1.099.706.199
Cộng	1.600.150.000	1.931.337.059	1.018.000.000	4.549.487.059
Năm trước				
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	160.000.000	160.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	625.200.000	629.727.500	130.000.000	1.384.927.500
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	130.000.000	130.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	130.000.000	130.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	130.000.000	130.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	130.000.000	130.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	80.000.000	80.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	80.000.000	80.000.000
Ông Lê Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)	390.600.000	410.899.170	-	801.499.170

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thủ lao	Cộng thu nhập
Ông Lai Xuân Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2024)	292.950.000	249.127.153	-	542.077.153
Ông Nguyễn Văn Phúc - Kế toán trưởng	516.800.000	503.064.660	-	1.019.864.660
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền - Phó Tổng Giám đốc	96.000.000	90.880.000	-	186.880.000
Cộng	1.921.550.000	1.883.698.483	970.000.000	4.775.248.483

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex Becamex – CTCP	Công ty góp vốn
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Công ty góp vốn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược Enlie	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV WTC Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thới Hòa	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Thới Hòa – Dự án 2	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – Dự án 3	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH BW Supply Chain City	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB04	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB05	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB06	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng – BB01	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Mỹ Phước 3	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH MTV Aspire	Công ty con của trường Đại học Quốc tế Miền Đông
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	Công ty con của Công ty TNHH Becamex Tokyu
Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định	Công ty con của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước
Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex – Vsip	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị
Viễn thông Bình Dương	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Công ty Cổ phần Sao Hỏa Toàn quốc	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê Tông Trộn Sẵn Mỹ Phước	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	Công ty liên kết của Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP
Công ty Cổ phần Đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chủ đầu tư
VNPT Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP		
Chia cổ tức	16.060.140.000	12.491.220.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	320.022.533	182.568.867
Ký quỹ	451.656.000	-
Thuế chuyển nhượng bất động sản	-	55.041.700
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Mua bất động sản	-	9.168.785.178
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Chi phí thuê nhà	-	60.000.000
Doanh thu phân chia dịch vụ	-	336.719.293
Chia cổ tức	1.530.000.000	1.190.000.000
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông		
Phí dịch vụ	113.071.760	33.856.753



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	24.723.505	-
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	-	50.373.865
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	6.140.331	250.520.295
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Phí dịch vụ	3.101.700	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng IJC (trước đây là Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex)		
Mua hàng hóa, dịch vụ	289.467.219	413.615.483
Công ty Cổ phần SetiaBecamex		
Phí dịch vụ	66.639.209	58.289.398
Chi tài trợ sự kiện	27.272.727	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore		
Phí dịch vụ	172.320.029	1.297.507.999
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	1.106.330.293	-
Thuế chuyển nhượng bất động sản	18.160.708	-
Mua bất động sản	135.649.999	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước		
Doanh thu phân chia dịch vụ	397.400.133	336.719.293
Chi phí thuê nhà	61.911.291	60.000.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	104.311.132	76.275.666
Phí dịch vụ	106.462.106	100.293.962
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xi nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước		
Mua vật tư	90.159.259	426.258.334
Chi phí tiền nước	-	140.977.000
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Chi phí công tác	-	252.661.485
Phí dịch vụ	8.157.450	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	-	1.183.636
Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	27.434.605.097	34.993.293.989
Mua phí dịch vụ	91.308.583	102.388.556
Mua nguyên vật liệu	763.636	-
Viễn thông Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	47.210.958	21.432.380
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	455.036.340	227.518.170
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	-	774.215.972
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương		
Mua phí dịch vụ	94.580.168	60.850.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex		
Phí dịch vụ	480.441.000	36.758.784
Mua phí dịch vụ	47.022.208	392.308.000
Công ty TNHH MTV Aspire		
Phí dịch vụ	426.451.200	447.316.264
Công ty TNHH BW Supply Chain City		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	7.426.829.080	7.426.829.080
Công ty Liên doanh TNHH SinViet		
Mua phí dịch vụ	2.590.000	142.086.455
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam		
Chia cổ tức	1.800.000.000	1.400.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	55.752.000	-
VNPT Thành phố Hồ Chí Minh		
Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	6.463.625.316	-
Phí dịch vụ	8.064.187	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - VSIP		
Phí dịch vụ	60.156.681	-
Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.14 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận
Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

- 3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh
Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:
- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
 - Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
 - Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
 - Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý
Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vi Ngọc Đại
Người lập

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 đường Hùng Vương, phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước		367.275.000.000	(382.600.000)	42.900.159.222	439.285.060	33.620.409.710	443.852.253.992
Lợi nhuận trong năm trước		-	-	-	-	61.074.830.591	61.074.830.591
Trích lập các quỹ trong năm trước		-	-	3.312.928.776	-	(6.625.857.552)	(3.312.928.776)
Chia cổ tức trong năm trước		-	-	-	-	(25.709.250.000)	(25.709.250.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thường Ban điều hành		-	-	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Số dư cuối năm trước		367.275.000.000	(382.600.000)	46.213.087.998	439.285.060	61.110.132.749	474.654.905.807
Số dư đầu năm nay		367.275.000.000	(382.600.000)	46.213.087.998	439.285.060	61.110.132.749	474.654.905.807
Lợi nhuận trong năm nay		-	-	-	-	72.589.099.272	72.589.099.272
Trích lập các quỹ trong năm nay		-	-	15.268.707.648	-	(21.376.190.707)	(6.107.483.059)
Chia cổ tức trong năm nay		-	-	-	-	(33.054.750.000)	(33.054.750.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thường Ban điều hành		-	-	-	-	(2.471.496.612)	(2.471.496.612)
Số dư cuối năm nay		367.275.000.000	(382.600.000)	61.481.795.646	439.285.060	76.796.794.702	505.610.275.408

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ		Lĩnh vực xây dựng công trình		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	282.724.993.513		95.155.787.699		-		41.268.291.531		419.149.072.743
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-		-		-		-		-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	282.724.993.513		95.155.787.699		-		41.268.291.531		419.149.072.743
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	120.838.592.366		3.191.029.265		-		3.201.803.449		127.231.425.080
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận									(46.903.973.382)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									80.327.451.698
Doanh thu hoạt động tài chính									9.098.502.571
Chi phí tài chính									(9.605.394)
Thu nhập khác									1.844.855.157
Chi phí khác									(488.615.073)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành									(18.145.755.689)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									(37.733.998)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									72.589.099.272
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22.813.520.703		7.702.398.706		-		3.340.467.700		33.856.387.109
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.111.142.518		8.963.962.269		-		3.887.597.561		38.962.702.348
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-		1.108.895.080		-		-		1.108.895.080



Năm trước	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ		Lĩnh vực xây dựng công trình		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	258.517.500.539		61.007.397.917		19.358.721.674		21.918.172.227		360.801.792.357
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-		-		-		-		-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.517.500.539		61.007.397.917		19.358.721.674		21.918.172.227		360.801.792.357
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	107.611.232.038		4.462.646.874		7.441.767.120		215.163.132		119.730.809.164
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận									(51.708.748.238)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									68.022.060.925
Doanh thu hoạt động tài chính									5.917.307.166
Chi phí tài chính									(1.468.737)
Thu nhập khác									2.316.205.726
Chi phí khác									(249.477.246)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành									(15.116.117.386)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									186.320.142
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									61.074.830.591
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.757.206.624		5.685.171.870		1.804.005.148		2.042.515.833		33.288.899.474
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24.131.954.290		5.865.814.012		1.861.326.081		2.107.415.267		33.966.509.650
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-		(1.202.631.037)		-		-		(1.202.631.037)



Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.508.710.917	79.843.869.782	21.554.907.995	-	191.907.488.694
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản					440.273.787.081
					632.181.275.775
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	17.117.068.775	2.699.678.688	-	-	19.816.747.463
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					106.754.252.904
					126.571.000.366
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	91.126.744.710	46.062.709.520	22.623.496.345	-	159.812.950.575
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản					417.155.315.783
					576.968.266.358
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.805.505.508	1.590.783.608	-	-	18.396.289.116
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					83.917.071.435
					102.313.360.551



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của VNTT bao gồm:

Mục lục, Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Phụ lục.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

<https://vntt.com.vn/bao-cai-tai-chinh/>

Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2025 đã kiểm toán của VNTT bao gồm:

Mục lục, Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Phụ lục.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

<https://vntt.com.vn/bao-cai-tai-chinh/>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2026
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM TUẤN ANH





Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Liên hệ Hotline: 1800 9400 - 0274 2220222

Website: vntt.com.vn

Email: cskh@vntt.com.vn

